

Thư của Phao-lô gửi Người Rô-ma (Rô-ma)

Mục-đích: Để giới-thiệu Phao-lô cho dân ở Rô-ma và để gợi một mẫu thông-điệp của người trước khi người đến Rô-ma.

Trước-giả: Phao-lô

Gửi cho: Các Cơ-rít-nhân tại Rô-ma và mọi nơi

Ngày viết: Khoảng 57 SC (Sau Cơ-rít-tô Giáng-sinh) từ Cô-rinh-tô, khi Phao-lô đang chuẩn-bị thăm Giê-ru-sa-lem để trợ-giúp.

Bối-cảnh: Dường như Phao-lô đã xong công-việc của mình tại phương đông, và người định kế-hoạch viếng-thăm Rô-ma trên đường đến Xi-pa-nia sau khi đã giao số tiền đóng góp cho các Cơ-rít-nhân nghèo tại Giê-ru-sa-lem (15.22-15.28). Hội-thánh ở Rô-ma hầu hết là người Giu-đa nhưng cũng có một số người phi-Giu-đa.

Câu gốc: “Bối vậy đã được xưng công-chính bởi đức-tin, chúng ta có sự hòa-thuận với Đức Chúa TRỜI qua Chúa Giê-xu Cơ-rít-tô chúng ta.” (5.1)

Nhân-vật chính: Phao-lô, Phê-bê

Chỗ chính: Rô-ma

Đặc-điểm: Phao-lô viết cho dân ở Rô-ma như là một sự trình-bày đức-tin của mình được sắp-xếp và trình-bày cẩn-thận—nó không có hình-thức của một lá thư thông-thường. Tuy nhiên người cũng có một phần dài chào-hỏi những người ở tại Rô-ma nơi phần cuối lá thư.

Ý chính: Hiểu-biết và từng trải, Công-tố-viên chính-phủ trình-bày vụ kiện. Gọi các chứng-nhân, người trình-bày các chứng cứ, và kết-luận quá-quyết trước Bồi-thẩm-đoàn là: chính bị-cáo chứ không ai khác, ngoại trừ một mình bị-cáo. Lời tuyên-án không gây ngạc-nhiên: “Có tội!” và công-lý được củng-cố!

Sứ-đồ Phao-lô thông-minh, biểu-đạt rõ-ràng, có tài ăn-nói, và phó-thác cho sự kêu-gọi của mình. Như là một luật-sư tài-giỏi, ông trình-bày trường-hợp về tin-lành một cách rõ-ràng và thẳng-thắn trong lá thư này của ông gửi cho các tín-nhân tại Rô-ma. Phao-lô đã nghe về hội-thánh tại Rô-ma, nhưng ông chưa từng đến đó, cũng như chưa có một sứ-đồ nào đến đó cả. Một cách hiển-nhiên hội-thánh đã khởi-sự bởi những người Giu-đa đã nhận đức-tin trong ngày Ngũ-tuần có ghi trong Công-vụ 2. Họ đã rao-truyền đức-tin khi họ khi về tới Rô-ma và hội-thánh đã được thành-lập và tăng-trưởng. Mặc dầu có các hàng rào ngăn cách, Phao-lô vẫn cảm-nhận có sự ràng buộc với các tín-nhân Rô-ma. Họ là anh em trong Cơ-rít-tô; ông khao-khát gặp họ mặt đối mặt.

Ông dường như chưa từng biết mặt họ, nhưng ông vẫn thương họ. Ông gửi lá thư này để tự giới-thiệu và để làm một bản tuyên-bố rõ-ràng về đức-tin.

Sau phần giới-thiệu ngắn, Phao-lô trình-bày các sự kiện thật của tin-lành (1.3) và công-bố sự trung-thành của mình đối với nó (1.16-1.17). Người tiếp theo bằng việc dựng nên tình trạng hư-mất toàn diện của loài người và sự cần-thiết để Đức Chúa TRỜI can thiệp (1.18-3.20).

Đoạn Phao-lô trình-bày tin-lành—sự cứu-rỗi có sẵn cho tất cả, không phân-biệt dòng-dõi, tội-lỗi, hay giai-cấp. Chúng ta được cứu bởi ân-điên (ân-huệ từ Đức Chúa TRỜI, không phải làm nên hay xứng-đáng để được) mà chỉ nhờ đức-tin (hoàn-toàn trông-cậy) nơi Cơ-rít-tô Giê-xu và việc đã làm xong rồi của Ngài. Nhờ Ngài chúng ta có thể đứng trước mặt Đức Chúa TRỜI, được xưng công-chính, “vô tội” (3.21-5.21).

Với nền-tảng này, Phao-lô đi thẳng vào sự thảo-luận về tự-do có được từ việc được cứu—tự-do không bị kèm-kep dưới quyền-năng của tội-lỗi (6.1-6.23), tự-do khỏi sự đô-hộ của luật-pháp (7.1-7.25), tự-do trở thành giống như Cơ-rít-tô và khám-phá tình yêu vô hạn của Đức Chúa TRỜI (8.1-8.39).

Nói thẳng với các anh em Giu-đa của mình, Phao-lô chia-sẻ sự lo-lắng cho họ và giải-thích cho họ biết sự thích-hợp với chương-trình của Đức Chúa TRỜI là thế nào (9.1-11.12).

Đức Chúa TRỜI đã lập đường-lối cho các người Giu-đa và phi-Giu-đa hiệp một trong thân-thể Cơ-rít-tô—cả hai nhóm có thể ca-tụng Ngài vì sự khôn-goan và tình yêu của Ngài (11.13-11.36).

Phao-lô giải-thích việc sống hoàn-toàn giao-phó cho Cơ-rít-tô là gì—dùng ân-tử thuộc linh để phục-vụ người khác (12.3-12.8), thương-yêu chân-thật người khác (12.9-12.21), và là một công-dân tốt (13.1-13.14).

Tự-do phải được hướng-dẫn bởi tình thương để gây-dựng lẫn nhau trong đức-tin, nhạy cảm, và giúp-đỡ người yếu (14.1-15.4).

Phao-lô nhấn mạnh sự hợp-nhất, đặc-biệt là giữa người phi-Giu-đa và Giu-đa (15.1-15.13).

Kết-luận bằng việc ôn lại các lý-do viết thư này, chương-trình cá-nhân (15.22-15.33), và chào hỏi (16.1-16.27).

Khi đọc sách “Thư của Phao-lô gửi người Rô-ma”, xin quý vị xét lại tâm lòng phó-thác của mình cho Cơ-rít-tô và xin tái xác-nhận mối liên-hệ của mình với các tín-hữu khác trong cùng thân-thể của Cơ-rít-tô.

Rô-ma 1.1-1.14

A. ĐIỀU ĐỂ TIN (1.1-11.36)

1. Loài người đầy tội-lỗi (1.1-3.20)

Lời mở-đầu chào thăm (1.1-1.7)

1 Phao-lô, một kẻ nô-lệ của Cơ-rít-tô Giê-xu, một sứ-đồ được gọi, được để riêng ra cho tin-lành của Đức Chúa TRỜI, **2**mà Ngài đã hứa trước kia qua các tiên-tri của Ngài trong Thánh-Kinh, **3**về Con Trai của Ngài, đã được sinh ra thuộc dòng-dõi của Đa-vít theo phần xác-thịt, **4**đã được công-bố là Con Trai của Đức Chúa TRỜI với quyền-năng bởi sự sống lại từ kẻ chết, theo Thánh Linh, Giê-xu Cơ-rít-tô Chúa của chúng ta, **5**qua Ngài chúng tôi đã nhận ân-điễn và chức-vụ sứ-đồ để làm cho xảy ra sự tuân-phục đức-tin ở giữa tất cả các dân Ngoại-bang vì cố danh của Ngài, **6**ở giữa họ anh em cũng là những kẻ được gọi của Giê-xu Cơ-rít-tô; **7**gửi đến tất cả những người yêu-dấu của Đức Chúa TRỜI tại Rô-ma, gọi là các thánh-đồ: Xin ân-điễn cho anh em và bình-an từ Đức Chúa TRỜI Cha của chúng ta và Chúa Giê-xu Cơ-rít-tô.

Phao-lô công-bố quyền-năng của tin-lành (1.8-1.17)

8 Trước hết, tôi tạ ơn Đức Chúa TRỜI của tôi qua Giê-xu Cơ-rít-tô vì tất cả anh em, vì đức-tin của anh em được công-bố khắp thế-giới. **9**Vì Đức Chúa TRỜI, Đấng tôi phụng-sự bằng linh của tôi trong việc *thuyết-giảng* tin-lành của Con Trai của Ngài, là nhân-chứng của tôi *rằng* tôi nhắc đến anh em không ngừng-ngỉ như thế nào, **10**luôn trong các lời cầu-nguyện của tôi, lập lời thỉnh-cầu, nếu bởi ý-muốn của Đức Chúa TRỜI, có lẽ bây giờ, cuối cùng rồi tôi được thành-công trong việc đến cùng anh em. **11**Vì tôi khao khát gặp anh em để tôi có thể truyền vài ân-tứ thuộc linh cho anh em, để anh em được vững vàng; **12**nghĩa là, để tôi được khích-lệ cùng với anh em *trong khi* ở giữa anh em, mỗi chúng ta *người này* bởi đức-tin của người kia, của cả anh em lẫn của tôi. **13**Và tôi chẳng muốn anh em không biết, hỏi anh em, rằng tôi đã thường trù-định đến cùng anh em (và từ trước đến nay đã bị ngăn-cản) để tôi cũng được một số trái giữa anh em, cả các dân Ngoại-bang khác. **14**Tôi là con nợ của cả người Gờ-réc lẫn người dã-man, của cả kẻ khôn-ngoan lẫn kẻ dại-dột.

Romans 1.1-1.14

A. WHAT TO BELIEVE (1.1-11.36)

1. Sinfulness of mankind (1.1-3.20)

Greeting introduction (1.1-1.7)

1 Paul, a slave of Christ Jesus, a called apostle, set apart for the gospel of God, **2**which He promised beforehand through His prophets in the holy Scriptures, **3**concerning His Son, who was born of a seed of David according to the flesh, **4**who was declared the Son of God with power by the resurrection from the dead, according to the Spirit of holiness, Jesus Christ our Lord, **5**through whom we have received grace and apostleship to bring about *the* obedience of faith among all the Gentiles for the sake of His name, **6**among whom you also are the called of Jesus Christ; **7**to all who are beloved of God in Rome, called *as* saints: Grace to you and peace from God our Father and the Lord Jesus Christ.

Paul declares the power of the gospel (1.8-1.17)

8 First, I thank my God through Jesus Christ for you all, because your faith is being proclaimed throughout the whole world. **9**For God, whom I serve in my spirit in the *preaching of the* gospel of His Son, is my witness *as to* how unceasingly I make mention of you, **10**always in my prayers making request, if perhaps now at last by the will of God I may succeed in coming to you. **11**For I long to see you in order that I may impart some spiritual gift to you, that you may be established; **12**that is, that I may be encouraged together with you *while* among you, each of us by the other's faith, both yours and mine. **13**And I do not want you to be unaware, brethren, that often I have planned to come to you (and have been prevented thus far) in order that I may obtain some fruit among you also, even as among the rest of the Gentiles. **14**I am debtor both to Greeks and to barbarians, both to the wise and to the foolish.

Romans 1.15-1.26

15Thus, for my part, I am eager to preach the gospel to you also who are in Rome.

16For I am not ashamed of the gospel, for it is the power of God for salvation to everyone who believes, to the Jew first and also to the Greek.

17For in it *the* righteousness of God is revealed from faith to faith; as it is written, “BUT THE RIGHTEOUS *man* SHALL LIVE BY FAITH.”

God's anger at sin (1.18-1.32)

18For the wrath of God is revealed from heaven against all ungodliness and unrighteousness of men, who suppress the truth in unrighteousness, 19because that which is known about God is evident within them; for God made it evident to them. 20For since the creation of the world His invisible attributes, His eternal power and divine nature, have been clearly seen, being understood through what has been made, so that they are without excuse. 21For even though they knew God, they did not glorify Him as God, or give thanks; but they became futile in their speculations, and their foolish heart was darkened. 22Professing to be wise, they became fools, 23and exchanged the glory of the incorruptible God for an image in the form of corruptible man and of birds and four-footed animals and crawling creatures.

24Therefore God gave them over in the lusts of their hearts to impurity, that their bodies might be dishonored among them. 25For they exchanged the truth of God for the lie, and worshiped and served the creature rather than the Creator, who is blessed until the ages. Amen.

26For this reason God gave them over to degrading passions; for their women exchanged the natural function for that which is against natural,

Rô-ma 1.15-1.26

15Như vậy, về phần tôi, tôi cũng ham muốn thuyết-giảng tin-lành cho anh em, những người ở tại Rô-ma.

16Vì tôi không hổ-thẹn về tin-lành, vì nó là quyền-năng của Đức Chúa TRỜI để cứu-rỗi cho mọi người tin, cho người Giu-đa trước và cũng cho người Gờ-réc. 17Vì trong nó, sự công-chính của Đức Chúa TRỜI được tiết-lộ từ đức-tin đến đức-tin, như được viết: “NHUNNG NGƯỜI CÔNG-CHÍNH SẼ SỐNG BỞI ĐỨC-TIN.”⁽¹⁾

Đức Chúa TRỜI giận tội-lỗi (1.18-1.32)

18Vì cơn thịnh-nộ của Đức Chúa TRỜI được tiết-lộ từ trời nghịch lại mọi sự không tin kính và sự không công-chính của loài người, những kẻ dè nén lẽ thật bằng sự không công-chính, 19vì điều đã được biết về Đức Chúa TRỜI là hiển-nhiên ở bên trong họ; vì Đức Chúa TRỜI đã làm nó hiển-nhiên cho họ. 20Vì từ sáng-thế, các thuộc-tính vô hình của Ngài, quyền-năng đời đời và bản-tính thần-thánh⁽²⁾ của Ngài, đã được thấy rõ, được hiểu qua điều đã được sáng-tạo, để họ không có lời bào-chữa. 21Vì dẫu họ đã biết Đức Chúa TRỜI, họ đã chẳng tôn vinh Ngài là Đức Chúa TRỜI, hoặc tạ ơn; nhưng họ đã trở nên vô ích trong sự suy đoán của họ, và tâm đại-dột của họ đã tối-tăm. 22Xung là khôn-goan, họ đã trở thành những kẻ khờ-dại, 23và đã trao đổi vinh-quang của Đức Chúa TRỜI không hư nát cho một hình-tượng theo hình-thể của loài người hay hư-nát hoặc của chim-chóc và các thú bốn chân và các sinh-vật bò-sát.

24Bởi vậy Đức Chúa TRỜI đã phó họ theo các dục-vọng của tâm họ cho sự bất khiết, để thân-thể của họ đã bị làm ô danh ở giữa họ. 25Vì họ đã đổi lẽ-thật của Đức Chúa TRỜI cho sự dối-trá, và đã thờ-phượng và phục-vụ vật thọ-tạo thay vì Đấng Sáng-tạo, Đấng được chúc-tụng cho tới đời đời. A-men.

26Vì lý-do này, Đức Chúa TRỜI đã phó họ cho các sự đam mê làm thoái hóa; vì đàn-bà của họ đã đổi-chác chức-năng tự-nhiên lấy cái nghịch tự-nhiên;

¹Ha-ba-cúc 2.4

²hay bản-tính Chúa TRỜI

Rô-ma 1.27-2.7

27 và cũng cùng một cách đó đàn ông ruồng bỏ chức-năng tự-nhiên của đàn-bà và nung đốt trong lòng ham muốn lẫn nhau, đàn-ông với đàn-ông làm điều không biết nhục và nhận vào chính họ hình-phạt xứng với lỗi-làm của họ.

28 Và y như họ đã không thấy thích-hợp để có Đức Chúa TRỜI trong trí-thức nữa, Đức Chúa TRỜI đã phó họ cho một tâm-trí đồi bại, để làm các việc không thích đáng đó, 29 đầy với mọi sự không công-chính, gian-ác, tham-lam, xấu-xa; đầy sự ganh-tị, sát-nhân, xung-đột, lừa-dối, hiểm-độc; họ là những kẻ ngồi lê đôi mách, 30 những kẻ vu-không, những kẻ ghét Đức Chúa TRỜI, vô lễ, kiêu-căng, khoe-khoang, những kẻ phát-minh sự xấu-xa, không tuân-phục cha mẹ, 31 không hiểu-biết, không đáng tin-cậy, không thương yêu, không khoan-dung; 32 và, dầu họ biết qui-định của Đức Chúa TRỜI, rằng những kẻ thực-hành các điều như vậy thì đáng chết, họ chẳng những chỉ làm chúng, mà còn hết lòng tán-thành những kẻ khác thực-hành chúng.

Đức Chúa TRỜI phán-xét tội-lỗi (2.1-2.16)

2 ¹Bởi vậy không có lời bào chữa nào cho người, mỗi kẻ phán-xét, vì trong điều người phán-xét kẻ khác, người kết án chính người; vì người, kẻ phán-xét, làm cùng một thứ. 2 Và chúng ta biết rằng phán-quyết của Đức Chúa TRỜI thì theo lẽ-thật nghịch lại những kẻ thực-hành các điều như thế. 3 Và há người tưởng điều này, hỡi loài người, là kẻ phán-xét những kẻ thực-hành các điều như thế và chính người làm cùng các điều ấy, thì người sẽ thoát khỏi sự phán-quyết của Đức Chúa TRỜI ư? 4 Hay người khinh-đễ sự phong-phú của sự ân-cần và sức chịu đựng và lòng kiên-nhẫn của Ngài, chẳng biết rằng sự ân-cần của Đức Chúa TRỜI dẫn người đến ăn-năn? 5 Nhưng vì sự ngoan-cố và lòng không ăn-năn, người đang chất-chứa cơn thịnh-nộ cho chính người trong ngày có cơn thịnh-nộ và khai thị về sự phán-quyết công-chính của Đức Chúa TRỜI, 6 ĐẮNG SẼ BÁO-ĐÁP MỖI NGƯỜI THEO CÁC VIỆC LÀM CỦA HÃN⁽¹⁾: 7 ban sự sống đời đời cho những kẻ tìm kiếm vinh-quang và danh-dự và sự bất-tử bằng sự kiên-trì làm lành;

¹Thánh-thi 62.12; Châm-ngôn 24.12; Ma-thi-ơ 16.27

Romans 1.27-2.7

27 and in the same way also the men abandoned the natural function of the woman and burned in their desire toward one another, men with men committing the shameless deeds and receiving in themselves the due penalty of their error.

28 And just as they did not see fit to have God in knowledge any longer, God gave them over to a depraved mind, to do those things which are not proper, 29 being filled with all unrighteousness, wickedness, greed, evil; full of envy, murder, strife, deceit, malice; *they are* gossips, 30 slanderers, haters of God, insolent, arrogant, boastful, inventors of evil, disobedient to parents, 31 without understanding, untrustworthy, unloving, unmerciful; 32 and although they know the ordinance of God, that those who practice such things are worthy of death, they not only do the same, but also give hearty approval to those who practice them.

God's judgment of sin (2.1-2.16)

2 ¹Therefore you have no excuse, every man *of you* who passes judgment, for in that which you judge another, you condemn yourself; for you who judge practice the same things. 2 And we know that the judgment of God is according to truth against those who practice such things. 3 And do you suppose this, O man, who pass judgment upon those who practice such things and do the same *yourself*, that you will escape the judgment of God? 4 Or do you think lightly of the riches of His kindness and forbearance and patience, not knowing that the kindness of God leads you to repentance? 5 But because of your stubbornness and unrepentant heart you are storing up wrath for yourself in the day of wrath and revelation of the righteous judgment of God, 6 WHO WILL RENDER TO EVERY MAN ACCORDING TO HIS DEEDS: 7 to those who by perseverance in doing good seek for glory and honor and immortality, eternal life;

Romans 2.8-2.23

⁸but to those who are selfishly ambitious and do not obey the truth, but obey unrighteousness, wrath and indignation. ⁹*There will be* tribulation and distress upon every soul of man who does evil, of the Jew first and also of the Greek, ¹⁰but glory and honor and peace to every man who does good, to the Jew first and also to the Greek. ¹¹For there is no partiality with God. ¹²For all who have sinned without the Law will also perish without the Law, and all who have sinned under the Law will be judged by the Law; ¹³for not the hearers of the Law are just before God, but the doers of the Law will be justified. ¹⁴For when the Gentiles who do not have the Law do by nature the things of the Law, these, not having the Law, are a law to themselves, ¹⁵in that they show the work of the Law written in their hearts, their conscience bearing witness, and their thoughts alternately accusing or else defending them, ¹⁶on the day when, according to my gospel, God will judge the secrets of men through Christ Jesus.

God's law is broken (2.17-2.29)

¹⁷But if you bear the name “Jew”, and rely upon the Law, and boast in God, ¹⁸and know *His* will, and approve the things that are essential, being instructed out of the Law, ¹⁹and are confident that you yourself are a guide to the blind, a light to those who are in darkness, ²⁰a corrector of the foolish, a teacher of infants, having in the Law the embodiment of knowledge and truth, ²¹you, therefore, who teach another, do you not teach yourself? You who preach that one shall not steal, do you steal? ²²You who say that one should not commit adultery, do you commit adultery? You who abhor idols, do you rob temples? ²³You who boast in the Law, through your breaking the Law, do you dishonor God?

Rô-ma 2.8-2.23

⁸song *giáng* cơn giận-dữ và công phần cho những kẻ tham vọng ích-kỷ và không tuân-phục lẽ-thật, nhưng tuân-phục sự không công-chính. ⁹*Sẽ có khổ-nạn* và khốn cùng trên mọi hồn của kẻ làm điều xấu-xa, của người Giu-đa trước và cũng của người Gờ-réc, ¹⁰song vinh-quang và danh-dự và bình-an cho mọi kẻ làm lành, cho người Giu-đa trước và cũng cho người Gờ-réc. ¹¹Vì *Đức* Chúa TRỜI không thiên-vị gì cả. ¹²Vì tất cả đã phạm tội không có Luật-pháp cũng sẽ diệt-vong không có Luật-pháp, và tất cả đã phạm tội dưới Luật-pháp sẽ bị phán-quyết bởi Luật-pháp; ¹³vì chẳng phải những kẻ nghe Luật-pháp là đúng trước mặt *Đức* Chúa TRỜI, song những kẻ thực-hành Luật-pháp sẽ được xưng đúng. ¹⁴Vì khi dân Ngoại-bang, là những kẻ không có Luật-pháp, thực-hành các điều của Luật-pháp theo bản-tính, *dẫu* không có Luật-pháp, các điều này cũng là luật-pháp cho chính họ, ¹⁵rằng họ bày tỏ việc làm của Luật-pháp được viết trong tâm của họ, lương-tâm của họ mang chứng cứ, và tư-tưởng của họ khi thì buộc tội khi thì biện-hộ họ, ¹⁶vào ngày khi *Đức* Chúa TRỜI sẽ phán-xét những bí-mật của người ta qua Cơ-rít-tô Giê-xu, theo tin-lành của tôi.

Luật của Đức Chúa TRỜI bị vi-phạm (2.17-2.29)

¹⁷Nhưng nếu người mang danh “người Giu-đa,” và dựa vào Luật-pháp, và khoe-khoang trong *Đức* Chúa TRỜI, ¹⁸và biết ý muốn của *Ngài*, và chấp nhận các điều thiết-yếu, được giảng-day bằng Luật-pháp, ¹⁹và tin chắc rằng chính người là kẻ dẫn đường cho kẻ mù, sự sáng cho những kẻ ở trong tối-tăm, ²⁰kẻ sửa sai những kẻ đại-dột, giáo-viên của những em bé, có sự biểu hiện của kiến-thức và lẽ-thật trong Luật-pháp, ²¹bởi vậy, người là kẻ dạy kẻ khác, mà không dạy chính người sao? Người thuyết-giảng rằng người ta không nên trộm-cắp, người có trộm-cắp chẳng? ²²Người nói rằng người ta không nên phạm tội ngoại-tình, người có phạm tội ngoại-tình chẳng? Người ghê tởm hình-tượng, người có lấy trộm đền-thờ chẳng? ²³Người khoe-khoang trong Luật-pháp, qua việc người phạm Luật-pháp, người có làm ô-danh *Đức* Chúa TRỜI chẳng?

Rô-ma 2.24-3.7

24VÌ “DANH CỦA ĐỨC CHÚA TRỜI BỊ PHẠM-THƯỢNG GIỮA DÂN NGOẠI-BANG DO CÁC NGƯỜI,”⁽¹⁾ y như được viết. 25Vì quả thật cắt-bì có giá-trị, nếu người thực-hành Luật-pháp; nhưng nếu người là kẻ phạm Luật-pháp, cắt-bì của người đã trở thành không cắt-bì. 26Bởi vậy, nếu kẻ không cắt-bì giữ các đòi-hỏi của Luật-pháp, không phải sự không cắt-bì của hắn sẽ được xem là sự cắt-bì hay sao? 27Và có phải kẻ không cắt-bì thể-xác, nếu hắn giữ Luật-pháp, sẽ chẳng phán-xét người, là kẻ vi phạm Luật-pháp qua chữ của Luật-pháp và sự cắt-bì hay sao? 28Vì hắn không phải là người Giu-đa, theo bề ngoài, cũng không phải là cắt-bì bề ngoài trong xác-thịt. 29Nhưng hắn là người Giu-đa bề trong; và cắt-bì là cắt-bì ở trong tâm, bởi Linh, không bởi chữ; và sự khen-ngợi của hắn không từ loài người, nhưng từ Đức Chúa TRỜI.

Đức Chúa TRỜI vẫn thành-tín (3.1-3.8)

3 1Thế-then, người Giu-đa có lợi thế gì? Hay cắt-bì có lợi gì? 2Lợi lớn trong mọi phương-diện. Trước hết, dân Giu-đa đã được phó thác với các sấm-ngôn của Đức Chúa TRỜI. 3Thì sao? Nếu có người đã chẳng tin, sự không tin của họ sẽ chẳng vô-hiệu-hóa lòng chung thủy của Đức Chúa TRỜI, có chăng? 4Chẳng bao giờ! Đúng hơn hãy để người ta thấy Đức Chúa TRỜI là chân-thật, dù mọi người là kẻ nói dối⁽²⁾, như được viết:

“ĐÊ CHÚA CÓ THỂ ĐƯỢC XUNG CÔNG-CHÍNH TRONG CÁC LỜI CỦA CHÚA, VÀ CÓ THỂ THẮNG KHI CHÚA BỊ XÉT-ĐOÁN.”⁽³⁾

5Song nếu sự không công-chính của chúng ta biểu-lộ sự công-chính của Đức Chúa TRỜI, chúng ta sẽ nói gì? Đức Chúa TRỜI, Đấng giáng cơn thịnh-nộ thì không công-chính, không phải à? (Tôi nói bằng lời lẽ loài người.) 6Chẳng bao giờ! Vì nếu không, làm thế nào Đức Chúa TRỜI phán-xét thế-gian? 7Song nếu qua sự nói dối của tôi, lẽ-thật của Đức Chúa TRỜI được dồi dào cho vinh-quang của Ngài, tại sao tôi vẫn còn bị phán-xét là một tội nhân?

¹Ê-sai 52.2; Ê-xê-chiên 36.20; 2 Phi-e-rơ 2.2

²Thánh-thi 116.11; Rô-ma 3.7

³Thánh-thi 51.4

Romans 2.24-3.7

24For “THE NAME OF GOD IS BLASPHEMED AMONG THE GENTILES BECAUSE OF YOU,” just as it is written. 25For indeed circumcision is of value, if you practice the Law; but if you are a transgressor of the Law, your circumcision has become uncircumcision. 26If therefore the uncircumcised man keeps the requirements of the Law, will not his uncircumcision be regarded as circumcision? 27And will not he who is physically uncircumcised, if he keeps the Law, will he not judge you who through the letter of the Law and circumcision are a transgressor of the Law? 28For he is not a Jew who is one outwardly, nor is circumcision that which is outward in the flesh. 29But he is a Jew who is one inwardly; and circumcision is that which is of the heart, by the Spirit, not by the letter; and his praise is not from men, but from God.

God remains faithful (3.1-3.8)

3 1Then what advantage has the Jew? Or what is the benefit of circumcision? 2Great in every respect. First of all, that they were entrusted with the oracles of God. 3What then? If some did not believe, their unbelief will not nullify the faithfulness of God, will it? 4May it never be! Rather, let God be found true, though every man be found a liar, as it is written,

“THAT THOU MIGHTEST BE JUSTIFIED IN THY WORDS, AND MIGHTEST PREVAIL WHEN THOU ART JUDGED.”

5But if our unrighteousness demonstrates the righteousness of God, what shall we say? The God who inflicts wrath is not unrighteous, is He? (I am speaking in human terms.) 6May it never be! For otherwise, how will God judge the world? 7But if through my lie the truth of God abounded to His glory, why am I also still being judged as a sinner?

Romans 3.8-3.20

⁸And why not *say* (as we are slanderously reported and as some affirm that we say), “Let us do evil that good may come”? Their condemnation is just.

All people are sinners (3.9-3.20)

⁹What then? Are we better than they? Not at all; for we have already charged that both Jews and Greeks are all under sin; ¹⁰as it is written,

“THERE IS NONE RIGHTEOUS, NOT EVEN ONE;
¹¹THERE IS NONE WHO UNDERSTANDS,
THERE IS NONE WHO SEEKS FOR GOD;
¹²ALL HAVE TURNED ASIDE, TOGETHER THEY
HAVE BECOME USELESS;
THERE IS NONE WHO DOES GOOD,
THERE IS NOT EVEN ONE.”
¹³“THEIR THROAT IS AN OPEN GRAVE,
WITH THEIR TONGUES THEY KEEP DECEIVING,”
“THE POISON OF ASPS IS UNDER THEIR LIPS”;
¹⁴“WHOSE MOUTH IS FULL OF CURSING AND
BITTERNESS”;
¹⁵“THEIR FEET ARE SWIFT TO SHED BLOOD,
¹⁶DESTRUCTION AND MISERY ARE IN THEIR PATHS,
¹⁷AND THE PATH OF PEACE THEY HAVE NOT
KNOWN.”
¹⁸“THERE IS NO FEAR OF GOD BEFORE THEIR
EYES.”

¹⁹Now we know that whatever the Law says, it speaks to those who are under the Law, that every mouth may be closed, and all the world may become accountable to God; ²⁰because by the works of the Law no flesh will be justified in His sight; for through the Law *comes* the knowledge of sin.

Rô-ma 3.8-3.20

⁸Và tại sao không *nói* (như có người vu-cáo chúng tôi và như có người xác nhận rằng chúng tôi nói): “Chúng ta hãy làm điều xấu để điều tốt có thể đến?” Lên án họ thì phải lắm.

Mọi người đều phạm tội (3.9-3.20)

⁹Thì sao? Chúng ta tốt hơn họ chăng? Không đâu; vì chúng tôi đã quả quyết rồi cả người Giu-đa lẫn người Gờ-réc tất cả đều ở dưới tội, ¹⁰như có viết:

“CHẲNG CÓ AI CÔNG-CHÍNH, CẢ MỘT CÙNG
KHÔNG,
¹¹CHẲNG CÓ AI HIỂU BIẾT,
CHẲNG CÓ AI TÌM KIẾM ĐỨC CHÚA TRỜI;
¹²TẤT CẢ ĐÃ QUAY QUA MỘT BÊN, CÙNG
NHAU HỌ ĐÃ TRỞ THÀNH VÔ DỤNG;
CHẲNG CÓ AI LÀM LÀNH,
CHẲNG CÓ LẤY MỘT NGƯỜI.”⁽¹⁾
¹³“HỌNG CỦA HỌ LÀ MỘT CÁI MỘ MỜ RA,
VỚI CÁI LƯỖI CỦA HỌ, HỌ CỨ LỪA DỐI.”⁽²⁾
“CHẤT ĐỘC CỦA RẪN Ở DƯỚI CÁC MÔI CỦA
HỌ”⁽³⁾
¹⁴“MIỆNG CỦA HỌ CHỨA ĐẦY VIỆC CHỬI RỬA
VÀ CAY-ĐẮNG.”⁽⁴⁾
¹⁵“CÁC BÀN CHÂN CỦA HỌ LẠNH-LỆ ĐỂ LÀM
ĐỒ MÁU;
¹⁶SỰ PHÁ-HỦY VÀ SỰ KHÔN CÙNG Ở TRONG
CÁC NÊO ĐƯỜNG CỦA HỌ,
¹⁷VÀ NÊO ĐƯỜNG BÌNH-AN, HỌ CHẲNG HỀ
BIẾT.”⁽⁵⁾
¹⁸“CHẲNG CÓ SỰ KINH SỢ ĐỨC CHÚA TRỜI
TRƯỚC MẮT HỌ.”⁽⁶⁾

¹⁹Bây giờ chúng ta biết rằng hễ điều gì Luật-pháp nói, nó nói cùng những kẻ ở dưới Luật-pháp, để mọi miệng phải ngậm lại, và toàn thế-gian phải chịu trách-nhiệm trước Đức Chúa TRỜI; ²⁰vì, bằng việc làm của Luật-pháp chẳng có một xác-thịt nào sẽ được xưng công-chính trước mắt Ngài; vì sự hiểu biết về tội đến qua Luật-pháp.

¹Thánh-thi 14.1-14.3; 53.1-53.3

²Thánh-thi 5.9

³Thánh-thi 140.3

⁴Thánh-thi 10.7

⁵Ê-sai 59.7-8

⁶Thánh-thi 36.1

Rô-ma 3.21-4.2

2. Sự tha tội qua Cơ-rít-tô (3.21-5.21)

Cơ-rít-tô đã lấy hình-phạt của chúng ta; xưng công-chính bởi đức-tin (3.21-3.31)

21Nhưng bây giờ, ở ngoài Luật-pháp, sự công-chính của Đức Chúa TRỜI đã được biểu hiện, được Luật-pháp và các Tiên-tri làm chứng, **22**tức là sự công-chính của Đức Chúa TRỜI qua đức-tin nơi Giê-xu Cơ-rít-tô cho tất cả những kẻ tin; vì chẳng có một sự phân-biệt gì cả; **23**vì tất cả đều đã phạm tội và thiếu hụt vinh-quang của Đức Chúa TRỜI; **24**được xưng công-chính là quà tặng bởi ân-điển của Ngài qua sự cứu chuộc ở trong Cơ-rít-tô Giê-xu, **25**Đấng mà Đức Chúa Trời đã bày ra một cách công-khai là một của-lễ chuộc tội bằng máu của Ngài qua đức-tin. *Điều này để biểu lộ sự công-chính của Ngài, vì sự gác qua các tội đã phạm trước kia trong sự chịu đựng của Đức Chúa TRỜI; 26*vì sự biểu lộ sự công-chính của Ngài ở thời-đại hiện nay, để Ngài có thể là công-chính và xưng công-chính cho người có đức-tin nơi Giê-xu. **27**Thế-thì khoe-khoang ở đâu? Nó bị loại ra. Bởi loại luật-pháp gì? *Bởi việc làm gì? Không, song bởi luật-pháp của đức-tin. 28*Vì chúng tôi duy-trì rằng loài người được xưng công-chính bởi đức-tin, *chứ không bởi các việc làm của Luật-pháp. 29*Hay Đức Chúa TRỜI chỉ là Đức Chúa TRỜI của những người Giu-đa mà thôi? Há Ngài chẳng phải cũng là Đức Chúa TRỜI của dân Ngoại-bang sao? Phải, cũng của dân Ngoại-bang nữa, **30**vì quả thật Đức Chúa TRỜI là Đấng sẽ xưng công-chính cho kẻ chịu cắt-bì bởi đức-tin và *cho* kẻ không cắt-bì qua đức-tin, là Một.

31Thế-thì chúng ta vô-hiệu-hóa Luật-pháp qua đức-tin sao? Chẳng bao giờ! Trái lại, chúng ta củng-cố Luật-pháp.

Áp-ra-ham được xưng công-chính bởi đức-tin (4.1-4.8)

4 1Thế-thì, chúng ta phải nói rằng Áp-ra-ham, tổ-phụ của chúng ta theo xác thịt, đã tìm thấy gì? **2**Vì nếu Áp-ra-ham đã được xưng công-chính bởi việc làm, thì người có cái gì đó để khoe, song không hướng về Đức Chúa TRỜI.

Romans 3.21-4.2

2. Forgiveness of sin through Christ (3.21-5.21)

Christ took our punishment; justification by faith (3.21-3.31)

21But now apart from the Law *the* righteousness of God has been manifested, being witnessed by the Law and the Prophets, **22**even *the* righteousness of God through faith in Jesus Christ for all those who believe; for there is no distinction; **23**for all have sinned and fall short of the glory of God, **24**being justified as a gift by His grace through the redemption which is in Christ Jesus; **25**whom God displayed publicly as a propitiation in His blood through faith. *This was* to demonstrate His righteousness, because of the passing over the sins previously committed in the forbearance of God; **26**for the demonstration, *I say*, of His righteousness at the present time, that He might be just and the justifier of the one who has faith in Jesus. **27**Where then is boasting? It is excluded. By what kind of law? Of works? No, but by a law of faith. **28**For we maintain that a man is justified by faith apart from works of the Law. **29**Or is God *the God* of Jews only? Is He not *the God* of the Gentiles also? Yes, of the Gentiles also, **30**since indeed God who will justify the circumcised by faith and the uncircumcised through faith is one.

31Do we then nullify the Law through faith? May it never be! On the contrary, we establish the Law.

Abraham was justified by faith (4.1-4.8)

4 1What then shall we say that Abraham, our forefather according to the flesh, has found? **2**For if Abraham was justified by works, he has something to boast about, but not toward God.

Romans 4.3-4.15

³For what does the Scripture say? “AND ABRAHAM BELIEVED GOD, AND IT WAS RECKONED TO HIM AS RIGHTEOUSNESS.” ⁴Now to the one who works, his wage is not reckoned as a favor, but as what is due. ⁵But to the one who does not work, but believes in Him who justifies the ungodly, his faith is reckoned as righteousness, ⁶just as David also speaks of the blessing upon the man to whom God reckons righteousness apart from works:

⁷“BLESSED ARE THOSE WHOSE LAWLESS DEEDS HAVE BEEN FORGIVEN,
AND WHOSE SINS HAVE BEEN COVERED.

⁸“BLESSED IS THE MAN WHOSE SIN THE LORD WILL NOT TAKE INTO ACCOUNT.”

Not by circumcision (4.9-4.12)

⁹Is this blessing then upon on circumcision, or upon uncircumcision also? For we say, “FAITH WAS RECKONED TO ABRAHAM AS RIGHTEOUSNESS.” ¹⁰How then was it reckoned? While he was in circumcision, or in uncircumcision? Not while in circumcision, but while in uncircumcision; ¹¹and he received the sign of circumcision, a seal of the righteousness of the faith which he had while uncircumcised, that he might be the father of all who believe without being circumcised, that righteousness might be reckoned to them, ¹²and the father of circumcision to those who not only are of the circumcision, but who also follow in the steps of the faith of our father Abraham which he had while uncircumcised.

Not by keeping the law (4.13-4.17)

¹³For the promise to Abraham or to his seed that he would be heir of the world was not through the Law, but through the righteousness of faith. ¹⁴For if those who are of the Law are heirs, faith is made void and the promise is nullified; ¹⁵for the Law brings about wrath, but where there is no law, neither is there violation.

Rô-ma 4.3-4.15

³Vì Thánh-Kinh nói gì? “VÀ ÁP-RA-HAM ĐÃ TIN ĐỨC CHÚA TRỜI, VÀ ĐIỀU ĐÓ ĐÃ ĐƯỢC KÊ CHO NGƯỜI LÀ CÔNG-CHÍNH.”⁽¹⁾ ⁴Bây giờ, đối với người làm việc, tiền công của hắn không được kê là một ân huệ, song là cái gì phải trả. ⁵Nhưng đối với người không làm việc, song tin nơi Đấng xưng kẻ không tin-kính là công-chính, đức-tin của hắn được kê là công-chính, ⁶y như Đa-vít cũng nói về phước *đổ* trên một người, mà *Đức* Chúa TRỜI kê là công-chính chứ không phải các việc làm:

⁷“PHƯỚC CHO NHỮNG KẸ MÀ CÁC VIỆC LÀM VÔ LUẬT LỆ CỦA HỌ ĐÃ ĐƯỢC THA,
VÀ TỘI-LỖI CỦA HỌ ĐÃ ĐƯỢC CHE-ĐẬY.

⁸“PHƯỚC CHO NGƯỜI MÀ TỘI CỦA HẮN ĐỨC CHÚA SẼ KHÔNG KÊ.”⁽²⁾

Không phải vì sự cắt-bì (4.9-4.12)

⁹Thế-then sự ban phước này không phải trên cắt-bì, hay trên không cắt-bì sao? Vì chúng ta nói: “ĐỨC-TIN ĐƯỢC KÊ CHO ÁP-RA-HAM LÀ CÔNG-CHÍNH.”⁽³⁾ ¹⁰Thế-then nó đã được kê thế nào? Trong khi người được cắt-bì rồi hay chưa được cắt-bì? Không phải được cắt-bì rồi, nhưng chưa được cắt-bì; ¹¹và người đã nhận dấu cắt-bì, một dấu ấn của sự công-chính thuộc về đức-tin, mà người đã có trong khi chưa được cắt-bì, để người có thể là tổ-phụ của tất cả những kẻ tin mà không được cắt-bì, để công-chính có thể được kê cho họ, ¹²và là tổ-phụ cắt-bì không chỉ đối với những kẻ thuộc về cắt-bì, nhưng cũng *đối với những kẻ* đi theo những bước đi đức-tin của tổ-phụ Áp-ra-ham của chúng ta mà người đã có trong khi không được cắt-bì.

Không bởi việc giữ luật-pháp (4.13-4.17)

¹³Vì lời hứa cho Áp-ra-ham hay cho dòng-giống của người rằng người sẽ thừa-kế thế-giới chẳng qua Luật-pháp, song qua sự công-chính của đức-tin. ¹⁴Vì nếu những kẻ thuộc về Luật-pháp là những kẻ thừa-kế, đức-tin bị làm mất hiệu lực và lời hứa bị vô-hiệu-hóa; ¹⁵vì Luật-pháp dẫn đến cơn thịnh-nộ, nhưng nơi nào không có luật-pháp, nơi đó cũng không có sự vi-phạm.

¹Sáng-thế 15.6

²Thánh-thi 32.1-31.2

³Sáng-thế 15.6

Rô-ma 4.16-5.1

¹⁶Vì lý-do này, *ấy* là bởi đức-tin, để nó phù-hợp với ân-diễn, để lời hứa đó sẽ được bảo-đảm cho cả dòng-giống, không chỉ cho dòng-giống thuộc về Luật-pháp, nhưng cũng cho dòng-giống thuộc về đức-tin của Áp-ra-ham, là tổ-phụ của tất cả chúng ta, ¹⁷(như được viết “TA ĐÃ LẬP NGƯỜI LÀM CHA CỦA NHIỀU DÂN-TỘC”⁽¹⁾) trong mắt của Ngài là Đấng mà người đã tin, tức là Đức Chúa TRỜI, là Đấng ban sự sống cho kẻ chết và gọi các sự vật không hiện-hữu là hiện-hữu.

Đức-tin chúng ta và đức-tin của Áp-ra-ham (4.18-4.25)

18Người đã tin vào một tia hy-vọng nhỏ-nhoi, để người có thể trở thành cha của nhiều dân-tộc theo điều đã được phán: “DÒNG-GIỐNG CỦA NGƯỜI SẼ NHƯ THỂ.”⁽²⁾ ¹⁹Và không trở nên yếu-đuối trong đức-tin, người suy tư thân-thể của mình, bây giờ hầu như chết rồi vì người đã khoảng 100 tuổi, và tình-trạng xơ-cứng của tử-cung của Sa-ra; ²⁰tuy nhiên, đối với lời hứa của Đức Chúa TRỜI, người đã chẳng dao-động trong sự không tin, song đã lớn mạnh trong đức-tin, dâng vinh-quang lên Đức Chúa TRỜI, ²¹và được hoàn-toàn cam-đoan rằng điều Đức Chúa TRỜI đã hứa, Ngài có thể thực-hiện. ²²Bởi vậy đức-tin của người “ĐÃ ĐƯỢC KÊ CHO NGƯỜI LÀ CÔNG-CHÍNH.”⁽³⁾ ²³Bây giờ không chỉ vì cơ của người mà đã được viết rằng “NÓ ĐÃ ĐƯỢC KÊ CHO NGƯỜI”, ²⁴mà cũng vì cơ của chúng ta, nó sẽ được kê cho chúng ta, là những kẻ tin Ngài, Đấng đã vực Giê-xu Chúa của chúng ta sống lại từ kẻ chết, ²⁵Đấng đã bị nộp vì các vi-phạm của chúng ta, và đã được vực sống lại vì sự xưng công-chính của chúng ta.

Kết-quả của sự xưng công-chính bởi đức-tin; đức-tin đem đến niềm vui (5.1-5.11)

5 1Bởi vậy, đã được xưng công-chính bởi đức-tin, chúng ta có sự hòa-thuận với Đức Chúa TRỜI qua⁽⁴⁾ Chúa Giê-xu Cơ-rít-tô của chúng ta,

Romans 4.16-5.1

¹⁶For this reason *it is* by faith, that *it might be* in accordance with grace, in order that the promise will be guaranteed to all the seed, not only to that which is of the Law, but also to that which is of the faith of Abraham, who is the father of us all, ¹⁷(as it is written, “A FATHER OF MANY NATIONS HAVE I MADE YOU”) in the sight of Him whom he believed, *even* God, who gives life to the dead and calls the things which do not exist as existing.

Our faith and Abraham’s faith (4.18-4.25)

18In hope against hope he believed, in order that he might become a father of many nations according to that which had been spoken, “SO SHALL YOUR SEED BE.” ¹⁹And without becoming weak in faith he contemplated his own body, now as good as dead since he was about a hundred years old, and the deadness of Sarah’s womb; ²⁰yet, with respect to the promise of God, he did not waver in unbelief, but grew strong in faith, giving glory to God, ²¹and being fully assured that what God had promised, He was able to perform. ²²Therefore his faith ‘WAS RECKONED TO HIM AS RIGHTEOUSNESS.’ ²³Now not for his sake only was it written, that ‘IT WAS RECKONED TO HIM’, ²⁴but for our sake also, to whom it will be reckoned, as those who believe in Him who raised Jesus our Lord from the dead, ²⁵*He* who was delivered up because of our transgressions, and was raised because of our justification.

The result of the justification by faith; faith brings joy (5.1-5.11)

5 1Therefore, having been justified by faith, we have peace with God through our Lord Jesus Christ,

¹Sáng-thế 17.5

²Sáng-thế 15.5

³Sáng-thế 15.6

⁴hay: nhờ

Romans 5.2-5.15

2through whom also we have obtained our introduction by faith into this grace in which we stand; and we exult in hope of the glory of God. 3And not only this, but we also exult in our tribulations, knowing that tribulation brings about perseverance; 4and perseverance, proven character; and proven character, hope; 5and hope does not disappoint, because the love of God has been poured out within our hearts through the Holy Spirit who was given to us. 6For while we were still helpless, at the right time Christ died for the ungodly. 7For one will hardly die for a righteous man; though perhaps for the good man someone would dare even to die. 8But God demonstrates His own love toward us, in that while we still were sinners, Christ died for us. 9Much more then, having now been justified by His blood, we shall be saved from the wrath of God through Him. 10For if while we were enemies we were reconciled to God through the death of His Son, much more, having been reconciled, we shall be saved by His life. 11And not only this, but we also exult in God through our Lord Jesus Christ, through whom we have now received the reconciliation.

Adam and Christ contrasted (5.12-5.21)

12Therefore, just as through one man sin entered into the world, and death through sin, and so death spread to all men, because all sinned—13for until the Law sin was in the world, but sin is not imputed when there is no law. 14Nevertheless death reigned from Adam until Moses, even over those who had not sinned in the likeness of the offense of Adam, who is a type of Him who was to come.

15But the free gift is not like the transgression. For if by the transgression of the one the many died, much more did the grace of God and the gift by the grace of the one Man, Jesus Christ, abound to the many.

Rô-ma 5.2-5.15

2qua Ngài chúng ta cũng đã được sự khai tâm của chúng ta bởi đức-tin vào trong ân-điển này, trong đó chúng ta đứng; và chúng ta hân-hoan trong niềm hy-vọng về vinh-quang của Đức Chúa TRỜI. 3Và không chỉ việc này, nhưng chúng ta cũng hân-hoan trong những cơn khổ nạn của chúng ta, biết rằng khổ nạn sinh ra kiên-trì; 4và kiên-trì, đức tính được thử-luyện; và đức tính được thử-luyện sinh ra hy-vọng, 5và hy-vọng chẳng làm thất vọng, vì tình thương-yêu của Đức Chúa TRỜI đã được đổ ra ở bên trong tâm của chúng ta qua Đức Thánh-Linh, Đấng đã được ban cho chúng ta. 6Vì trong khi chúng ta còn bơ vơ, ở thời-điểm đúng Cơ-rít-tô đã chết cho kẻ không tin-kính. 7Vì người ta sẽ khó chết cho một người công-chính; dầu có lẽ có người dám chết cho người tốt ấy. 8Nhưng Đức Chúa TRỜI biểu lộ chính tình yêu của Ngài hướng về chúng ta, trong việc trong khi chúng ta vẫn còn là tội nhân, Cơ-rít-tô đã chết vì chúng ta. 9Vậy thì hơn thế nữa, bây giờ đã được xưng công-chính bởi máu của Ngài, chúng ta sẽ được cứu khỏi cơn thịnh-nộ của Đức Chúa TRỜI qua Ngài. 10Vì nếu trong khi chúng ta đã là kẻ thù, chúng ta đã được hòa-giải với Đức Chúa TRỜI qua cái chết của Con Trai Ngài, hơn thế nữa, đã được hòa-giải, chúng ta sẽ được cứu bởi sinh-mạng của Ngài. 11Và không chỉ việc này, nhưng chúng ta cũng hân-hoan trong Đức Chúa TRỜI qua Chúa Giê-xu Cơ-rít-tô của chúng ta, qua Ngài bây giờ chúng ta đã nhận được sự hòa-giải.

A-đam và Cơ-rít-tô tương-phản (5.12-5.21)

12Bởi vậy, y như qua một người tội đã vào thế-gian, và sự chết qua tội, và thế là sự chết đã lan truyền tới tất cả loài người, vì tất cả đều đã phạm-tội—13vì cho tới khi có Luật-pháp, tội đã ở trong thế-gian; nhưng tội chẳng được kể là tội khi chẳng có luật-pháp nào cả. 14Dù vậy sự chết đã thống-trị từ A-đam cho tới Môi-se, tức là trên những kẻ đã chẳng phạm tội giống như sự phạm-tội của A-đam, là mô-hình của Đấng đã sẽ phải đến.

15Nhưng quà cho-không chẳng như sự vi-phạm. Vì nếu bởi sự vi-phạm của một người nhiều người đã chết, thì ân-điển của Đức Chúa TRỜI và quà bởi ân-điển của một Người, Giê-xu Cơ-rít-tô, dồi dào hơn nhiều tới nhiều người.

Rô-ma 5.16-6.5

16Và món quà này chẳng như *điều đã đến* qua người ấy, là kẻ đã phạm tội; vì một mặt, sự phán-xét *xuất phát* từ một *sự vi-phạm dẫn đến* sự lên án, nhưng mặt khác, quà cho-không đó *xuất phát* từ nhiều vi-phạm *dẫn đến* sự xưng công-chính. 17Vì nếu bởi sự vi-phạm của người đó, sự chết thống-trị qua người đó, thì những kẻ nhận sự dồi dào của ân-điễn và của quà công-chính sẽ thống-trị càng nhiều hơn trong sự sống qua Đấng đó, Giê-xu Cơ-rít-tô. 18Thế rồi như qua một sự vi-phạm *dẫn đến* sự lên án mọi người, cũng như thế qua một hành-động công-chính *dẫn đến* sự xưng công-chính của sinh mạng cho tất cả loài người. 19Vì như qua sự bất tuân của một người nhiều người đã bị làm thành tội nhân, cũng vậy qua sự vâng lời của Đấng đó nhiều người sẽ được làm công-chính. 20Và Luật-pháp đã xen vào để sự vi-phạm đã có thể gia-tăng; nhưng nơi nào tội gia-tăng, thì ân-điễn càng dồi dào hơn nữa, 21để cho, như tội đã thống-trị bằng sự chết, cũng thế ân-điễn có thể thống-trị qua sự công-chính đến sự sống đời đời qua Giê-xu Cơ-rít-tô Chúa của chúng ta.

3. Tự-do khỏi sự nắm giữ của tội (6.1-8.39)

Quyền năng của tội bị bẻ gãy (6.1-6.14)

6 1Vậy chúng ta sẽ nói gì? Có phải chúng ta phải tiếp-tục trong tội để ân-điễn được gia tăng? 2Không bao giờ! Thế nào chúng ta đã chết đối với tội, mà sẽ còn sống trong nó ư? 3Hay anh em chẳng biết rằng tất cả chúng ta, đã được báp-tem vào trong Cơ-rít-tô Giê-xu, thì đã được báp-tem vào trong sự chết của Ngài? 4Bởi vậy chúng ta đã được chôn với Ngài qua lễ báp-tem vào trong sự chết, để như Cơ-rít-tô đã được vục sống lại từ kẻ chết qua vinh-quang của Cha, thì chúng ta cũng có thể bước đi trong sự mới-mẻ của sự sống. 5Vì nếu chúng ta đã trở nên hiệp một với Ngài trong *tính chất giống nhau của sự chết* của Ngài, hẳn chúng ta cũng sẽ hiệp một với Ngài *trong tính chất giống nhau của sự sống lại của Ngài*⁽¹⁾,

¹Chúa Giê-xu chết vì tội của chúng ta, chúng ta đã chết với Ngài qua lễ báp-tem (nghĩa là, chúng ta đã trở nên hiệp một trong tính chất giống nhau của sự chết của Ngài), tội không còn làm chủ chúng ta nữa. Sự sống lại của Ngài là có thánh-thể sống đời đời, chúng ta sẽ sống lại với thánh-thể sống đời đời như Ngài. Câu 5 này được diễn dịch trong TKTC Toàn Bộ như sau: “Vì nếu chúng ta đã

Romans 5.16-6.5

16And the gift is not like *that which came* through the one who sinned; for on the one hand the judgment *arose* from one *transgression* resulting in condemnation, but on the other hand the free gift *arose* from many transgressions resulting in justification. 17For if by the transgression of the one, death reigned through the one, much more those who receive the abundance of grace and of the gift of righteousness will reign in life through the One, Jesus Christ. 18So then as through one transgression *there resulted* condemnation to all men, even so through one act of righteousness *there resulted* justification of life to all men. 19For as through the one man's disobedience the many were made sinners, even so through the obedience of the One the many will be made righteous. 20And the Law came in that the transgression might increase; but where sin increased, grace abounded all the more, 21that, as sin reigned in death, even so grace might reign through righteousness to eternal life through Jesus Christ our Lord.

3. Freedom from sin's grasp (6.1-8.39)

Sin's power is broken (6.1-6.14)

6 1What shall we say then? Are we to continue in sin that grace may increase? 2May it never be! How shall we who died to sin still live in it? 3Or do you not know that all of us who have been baptized into Christ Jesus have been baptized into His death? 4Therefore we have been buried with Him through baptism into death, in order that as Christ was raised from the dead through the glory of the Father, so we too might walk in newness of life. 5For if we have become united with *Him* in the likeness of His death, certainly we shall also be united with *Him in the likeness* of His resurrection,

trở nên hiệp một với sự chết như của Ngài, chắc-chắn chúng ta cũng sẽ hiệp một với sự sống lại như của Ngài.”

Romans 6.6-6.19

⁶knowing this, that our old man was crucified with *Him*, that our body of sin might be made powerless, that we should no longer be slaves to sin; ⁷for he who has died is freed from sin. ⁸Now if we have died with Christ, we believe that we shall also live with Him, ⁹knowing that Christ, having been raised from the dead, is never to die again; death no longer is master over Him. ¹⁰For the death that He died, He died to sin, once for all; but the life that He lives, He lives to God. ¹¹Even so consider yourselves to be dead to sin, but alive to God in Christ Jesus.

¹²Therefore do not let sin reign in your mortal body that you should obey its lusts, ¹³and do not go on presenting your members to sin *as* instruments of unrighteousness; but present yourselves to God as those alive from the dead, and your members *as* instruments of righteousness to God. ¹⁴For sin shall not be master over you, for you are not under law but under grace.

Slaves not to sin but to righteousness (6.15-6.23)

¹⁵What then? Shall we sin because we are not under law but under grace? May it never be! ¹⁶Do you not know that when you present yourselves to someone *as* slaves for obedience, you are slaves of the one whom you obey, either of sin resulting in death, or of obedience resulting in righteousness? ¹⁷But thanks be to God that *though* you were slaves of sin, you became obedient from the heart to that form of teaching to which you were committed, ¹⁸and having been freed from sin, you became slaves of righteousness. ¹⁹I am speaking in human terms because of the weakness of your flesh. For just as you presented your members as slaves to impurity and to lawlessness, resulting in *further* lawlessness, so now present your members as slaves to righteousness, resulting in sanctification.

Rô-ma 6.6-6.19

⁶biết rằng, con người cũ của chúng ta đã bị đóng đinh trên thập-tự-giá với *Ngài*, rằng thân-thể có tội của chúng ta đã có thể bị làm bất lực, để chúng ta không còn là những kẻ nô-lệ cho tội nữa; ⁷vì kẻ đã chết được tha khỏi tội. ⁸Bây giờ nếu chúng ta đã chết với Cơ-rít-tô, chúng ta tin rằng chúng ta cũng sẽ sống với Ngài, ⁹biết rằng Cơ-rít-tô, đã được vực sống lại từ kẻ chết, sẽ không bao giờ chết một lần nữa; sự chết không còn làm chủ trên Ngài. ¹⁰Vì cái chết mà Ngài đã chết, Ngài đã chết cho tội, một lần cho tất cả; nhưng sự sống mà Ngài sống, Ngài sống cho Đức Chúa TRỜI. ¹¹Chính vì vậy, hãy coi chính anh em là chết cho tội, nhưng sống cho Đức Chúa TRỜI trong Cơ-rít-tô Giê-xu.

¹²Bởi vậy chớ để tội thống-trị trong thân-thể hay chết của anh em để anh em phải tuân-phục những thèm-khát của nó, ¹³và đừng tiếp-tục trình dâng các chi-thể của anh em cho tội *như* các công-cụ của sự không công-chính; nhưng trình dâng chính anh em lên Đức Chúa TRỜI như là những kẻ sống từ người chết, và các chi-thể của anh em *như* các công-cụ của sự công-chính lên Đức Chúa TRỜI. ¹⁴Vì tội sẽ không được là chủ trên anh em, vì anh em không ở dưới luật-pháp nhưng dưới ân-điễn.

Không làm nô-lệ cho tội-lỗi nhưng cho sự công-chính (6.15-6.23)

¹⁵Thì sao? Có phải chúng ta sẽ phạm-tội vì chúng ta không ở dưới luật-pháp nhưng dưới ân-điễn? Chẳng bao giờ! ¹⁶Anh em chẳng biết rằng khi anh em trình anh em cho ai đó *như* những kẻ nô-lệ để tuân-phục, anh em là những kẻ nô-lệ của kẻ mà anh em tuân-phục, hoặc của tội *đưa đến* sự chết, hoặc của sự tuân-phục *đưa đến* sự công-chính? ¹⁷Nhưng tạ ơn Đức Chúa TRỜI rằng *dù* anh em đã là những kẻ nô-lệ của tội, từ tâm anh em trở nên tuân-phục cho hình thức giảng-dạy mà anh em đã được phó-thác cho, ¹⁸và đã được giải-thoát khỏi tội, anh em đã trở thành những kẻ nô-lệ của sự công-chính. ¹⁹Tôi đang nói bằng lời lẽ loài người vì sự yếu-đuối của xác-thịt của anh em. Vì y như anh em đã trình các chi-thể của anh em *làm* những kẻ nô-lệ cho sự bất khiết và cho sự vô luật-lệ, *dẫn đến* sự vô luật-lệ *hơn nữa*, thế là bây giờ hãy trình các chi-thể của anh em *làm* những kẻ nô-lệ cho sự công-chính, *dẫn đến* sự nên thánh.

Rô-ma 6.20-7.7

20 Vì khi anh em đã là những kẻ nô-lệ của tội, anh em không bị bó buộc về mặt công-chính. 21 Bởi vậy hỏi đó anh em đã có kết-quả gì trong những điều mà bây giờ anh em xấu-hổ vì chúng? Vì kết-cuộc của những điều đó là sự chết. 22 Nhưng bây giờ đã được giải-thoát khỏi tội và đã trở thành nô-lệ của Đức Chúa TRỜI, anh em có kết-quả của anh em, đưa đến sự nên-thánh, và kết-cuộc, sự sống đời đời. 23 Vì tiền-công của tội là sự chết, nhưng quà cho-không của Đức Chúa TRỜI là sự sống đời đời trong Cơ-rít-tô Giê-xu, Chúa của chúng ta.

Không còn bị ràng-buộc với luật-pháp (7.1-7.6)

7 ¹ Hay anh em chẳng biết, hỡi anh em—vì tôi đang nói với những kẻ biết luật-pháp—rằng luật-pháp có thẩm-quyền trên một người khi nào hấn còn sống hay sao? 2 Vì bởi luật-pháp người đàn-bà có chồng bị ràng-buộc với chồng của bà trong khi hấn còn sống; nhưng nếu chồng của bà chết, bà được phóng-thích khỏi luật-pháp về người chồng đó. 3 Vậy nếu, trong khi chồng của bà còn sống, bà kết-hợp với người đàn-ông khác, bà sẽ bị gọi là đàn-bà ngoại-tình; nhưng nếu chồng của bà chết, bà tự-do khỏi luật-pháp, để bà không là đàn-bà ngoại-tình, dẫu bà kết-hợp với người đàn-ông khác. 4 Bởi vậy, anh em của tôi ơi, anh em cũng đã được làm chết đối với Luật-pháp qua thân-thể của Cơ-rít-tô, để anh em đã có thể kết-hợp với một người khác, *đó là* với Đấng đã được vực sống lại từ kẻ chết, để chúng ta có thể mang trái cho Đức Chúa TRỜI. 5 Vì trong khi chúng ta đã ở trong xác-thịt, các dục-vọng tội lỗi, đã bị *đánh thức* bởi Luật-pháp, đã làm việc trong các chi-thể của chúng ta để mang trái cho sự chết. 6 Nhưng bây giờ, chúng ta đã được phóng-thích khỏi Luật-pháp, đã chết cho điều mà chúng ta đã bị buộc vào, để chúng ta phục-vụ trong sự mới của Linh và chẳng trong sự cũ của chữ.

Luật của Đức Chúa TRỜI chỉ rõ tội (7.7-7.13)

7 Rồi chúng ta sẽ nói gì? Có phải Luật-pháp là tội chẳng? Chẳng bao giờ! Trái lại, tôi đã không đến chỗ biết tội ngoại trừ qua Luật-pháp; vì tôi đã chẳng biết về việc tham-lam⁽¹⁾, nếu Luật-pháp đã chẳng nói: “NGƯỜI CHỖ THAM LAM.”⁽²⁾

¹ hay: tham muốn chiếm-hữu

² Xuất-hành 20.7; Bài giảng của Mô-se 5.21

Romans 6.20-7.7

20 For when you were slaves of sin, you were free in regard to righteousness. 21 Therefore what fruit were you then having in the things of which you are now ashamed? For the outcome of those things is death. 22 But now having been freed from sin and enslaved to God, you have your fruit, resulting in sanctification, and the outcome, eternal life. 23 For the wages of sin is death, but the free gift of God is eternal life in Christ Jesus our Lord.

No longer bound to the law (7.1-7.6)

7 ¹ Or do you not know, brethren—for I am speaking to those who know the law—that the law has jurisdiction over a man as long as he lives? 2 For the married woman is bound by law to her husband while he is living; but if her husband dies, she is released from the law concerning the husband. 3 So then, if while her husband is living she is joined to another man, she shall be called an adulteress; but if her husband dies, she is free from the law, so that she is not an adulteress, though she is joined to another man. 4 Therefore, my brethren, you also were made to die to the Law through the body of Christ, that you might be joined to another, to Him who was raised from the dead, that we might bear fruit for God. 5 For while we were in the flesh, the sinful passions, which were *aroused* by the Law, were at work in our members to bear fruit for death. 6 But now we have been released from the Law, having died to that by which we were bound, so that we serve in newness of the Spirit and not in oldness of the letter.

God's law reveals sin (7.7-7.13)

7 What shall we say then? Is the Law sin? May it never be! On the contrary, I would not have come to know sin except through the Law; for I would not have known about coveting if the Law had not said, “YOU SHALL NOT COVET.”

Romans 7.8-7.25

⁸But sin, taking opportunity through the commandment, produced in me coveting of every kind; for apart from the Law sin *is* dead. ⁹And I was once alive apart from the Law; but when the commandment came, sin became alive and I died; ¹⁰and this commandment, which was to life, proved to death for me; ¹¹for sin, taking an opportunity through the commandment, deceived me and through it killed me. ¹²So then, the Law is holy, and the commandment is holy and righteous and good. ¹³Therefore did that which is good become *a cause of death* for me? May it never be! Rather it was sin, in order that it might be shown to be sin by effecting my death through that which is good, that through the commandment sin would become utterly sinful.

The struggle within (7.14-7.25)

¹⁴For we know that the Law is spiritual, but I am of flesh, sold into bondage to sin. ¹⁵For what which I am doing, I do not understand; for I am not practicing what I *would* like to *do*, but I am doing the very thing I hate. ¹⁶But if I do the very thing I do not wish *to do*, I agree with the Law, *confessing* that it is good. ¹⁷So now, no longer am I the one doing it, but sin that dwells in me. ¹⁸For I know that nothing good dwells in me, that is, in my flesh; for the willing is present in me, but the doing of the good *is* not. ¹⁹For the good that I wish, I do not do, but I practice the very evil that I do not wish. ²⁰But if I am doing the very thing I do not wish, I am no longer the one doing it, but sin which dwells in me. ²¹I find then the law that evil is present in me, the one who wishes to do good. ²²For I joyfully concur with the law of God in the inner man, ²³but I see a different law in my members, waging war against the law of my mind, and making me a prisoner in the law of sin which is in my members. ²⁴Wretched man that I am! Who will set me free from the body of this death? ²⁵Thanks be to God through Jesus Christ our Lord! So then, on the one hand I myself with my mind am serving the law of God, but on the other, with my flesh the law of sin.

Rô-ma 7.8-7.25

⁸Nhưng tội, lợi dụng cơ-hội qua điều-răn, đã sản-xuất trong tôi việc tham-lam mọi thứ; vì ở ngoài Luật-pháp, tội chết. ⁹Và ở ngoài Luật-pháp, tôi đã một lần sống; song khi điều-răn đã đến, tội đã trở thành sống và tôi đã chết; ¹⁰và điều-răn này, với mục đích cho sự sống, đã trở thành sự chết cho tôi; ¹¹vì tội, lợi dụng cơ-hội qua điều-răn, đã lừa-dối tôi và qua nó đã giết tôi. ¹²Như thế, Luật-pháp là thánh, và điều-răn là thánh và công-chính và tốt. ¹³Bởi vậy có phải cái tốt đã trở thành sự chết cho tôi sao? Chẳng bao giờ! Đúng hơn, chính tội-lỗi, để tội có thể được bày tỏ bằng cách gây ra sự chết của tôi qua điều tốt, để qua điều-răn tội trở nên cực tội.

Cuộc chiến bên trong (7.14-7.25)

¹⁴Vì chúng ta biết rằng Luật-pháp thì thuộc linh, nhưng tôi thì thuộc thể, bị bán vào vòng nô lệ cho tội. ¹⁵Vì điều mà tôi đang làm, tôi không hiểu; vì tôi chẳng thực-hành điều tôi muốn, nhưng tôi đang làm chính điều tôi ghét. ¹⁶Nhưng, nếu tôi làm chính điều tôi không muốn, tôi đồng ý với Luật-pháp, *thứ-nhận* rằng nó là tốt. ¹⁷Thế thì bây giờ, tôi chẳng còn là kẻ làm điều đó nữa, nhưng tội ở bên trong tôi. ¹⁸Vì tôi biết rằng chẳng có điều gì tốt ở trong tôi, nghĩa là, trong xác-thịt của tôi; vì ước-muốn đó có trong tôi, nhưng việc làm của điều tốt thì không. ¹⁹Vì điều tốt mà tôi muốn, tôi chẳng làm, song tôi thực-hành chính điều xấu mà tôi chẳng muốn. ²⁰Nhưng nếu tôi đang làm chính điều mà tôi chẳng muốn, tôi không còn là kẻ làm điều đó nữa, nhưng tội ở trong tôi. ²¹Thế thì tôi tìm ra cái luật này: điều xấu ở trong tôi, là kẻ muốn làm điều tốt. ²²Vì tôi, bằng con người bề trong, vui-vẻ đồng ý với luật của Đức Chúa TRỜI, ²³nhưng tôi thấy một luật khác trong các chi-thể của tôi, gây chiến chống lại luật của tâm trí tôi, và bắt tôi làm tù-nhân trong luật của tội ở trong các chi-thể tôi. ²⁴Khôn khổ thay cho tôi! Ai sẽ giải-phóng tôi khỏi cái thân-thể có sự chết này? ²⁵Tạ ơn Đức Chúa TRỜI qua Giê-xu Cơ-rít-tô Chúa của chúng ta! Vậy thì, một mặt chính tôi với tâm trí của tôi đang phục-vụ luật của Đức Chúa TRỜI, nhưng mặt khác, với xác-thịt tôi, luật của tội.

Rô-ma 8.1-8.14

Đức Thánh-linh giải-phóng chúng ta khỏi tội (8.1-8.17)

8 ¹Bởi vậy bây giờ chẳng có một sự lên án nào cho những kẻ ở trong Cơ-rít-tô Giê-xu. ²Vì luật của Linh sự sống trong Cơ-rít-tô Giê-xu đã giải phóng anh-em⁽¹⁾ khỏi luật của tội và của sự chết. ³Vì điều mà Luật-pháp đã không thể làm, ở điểm nó yếu-đuối qua xác-thịt, *Đức* Chúa TRỜI *đã làm*: sai chính Con Trai của Ngài đến trong sự giống nhau với xác-thịt có tội và *như là một của-lễ* vì tội, Ngài đã kết-án tội trong xác-thịt, ⁴để đòi-hỏi của Luật-pháp đã có thể được thành-tựu trong chúng ta, những kẻ chẳng bước đi theo xác-thịt, nhưng theo Linh. ⁵Vì những kẻ theo xác-thịt đặt tâm trí của họ trên các sự việc của xác-thịt, song những kẻ theo Linh, các sự việc của Linh. ⁶Vì tâm trí đặt trên xác thịt là sự chết, nhưng tâm trí đặt trên Linh là sự sống và bình-an, ⁷vì tâm trí đặt trên xác-thịt là cừu- địch hướng về *Đức* Chúa TRỜI; vì nó không bắt nó tuân phục luật-pháp của *Đức* Chúa TRỜI, vì thậm chí nó không có khả-năng *để làm như vậy*; ⁸và những kẻ ở trong xác-thịt chẳng có thể làm vui lòng *Đức* Chúa TRỜI. ⁹Tuy nhiên, anh em chẳng ở trong xác-thịt nhưng trong Linh, nếu quả thật Linh của *Đức* Chúa TRỜI ở trong anh em. Nhưng nếu người nào không có Linh của Cơ-rít-tô, người đó chẳng thuộc về Ngài. ¹⁰Và nếu Cơ-rít-tô ở trong anh em, dẫu thân-thể chết vì tội, nhưng mà linh sống vì sự công-chính. ¹¹Nhưng nếu Linh của Ngài là Đấng đã vực Giê-xu sống lại từ kẻ chết ở trong anh em, Ngài là Đấng đã vực Cơ-rít-tô Giê-xu sống lại từ kẻ chết cũng sẽ ban sự sống cho thân-thể hay chết của anh em qua Linh của Đấng ở bên trong anh em.

¹²Vậy thì, hỡi anh em, chúng ta ở dưới sự ép-buộc, chẳng phải bởi xác-thịt, để sống theo xác-thịt—¹³vì nếu anh em đang sống theo xác-thịt, anh em phải chết; nhưng nếu bởi Linh anh em đang giết chết các việc làm của thân-thể, anh em sẽ sống. ¹⁴Vì tất cả đang được dẫn-dắt bởi Linh của *Đức* Chúa TRỜI, những kẻ này là con trai của *Đức* Chúa TRỜI.

¹trong bản Hy-ngữ chữ “anh-em” số ít

Romans 8.1-8.14

The Holy Spirit frees us from sin (8.1-8.17)

8 ¹Therefore there is now no condemnation for those who are in Christ Jesus. ²For the law of the Spirit of life in Christ Jesus has set you free from the law of sin and of death. ³For what the Law could not do, wherein it was weak through the flesh, God *did*: sending His own Son in the likeness of flesh of sin and *as an offering* for sin, He condemned sin in the flesh, ⁴in order that the requirement of the Law might be fulfilled in us, who do not walk according to the flesh, but according to the Spirit. ⁵For those who are according to the flesh set their minds on the things of the flesh, but those who are according to the Spirit, the things of the Spirit. ⁶For the mind set on the flesh is death, but the mind set on the Spirit is life and peace, ⁷because the mind set on the flesh is hostile toward God; for it does not subject itself to the law of God, for it is not even able *to do so*, ⁸and those who are in the flesh cannot please God. ⁹However, you are not in the flesh but in the Spirit, if indeed the Spirit of God dwells in you. But if anyone does not have the Spirit of Christ, he does not belong to Him. ¹⁰And if Christ is in you, though the body is dead because of sin, yet the spirit is alive because of righteousness. ¹¹But if the Spirit of Him who raised Jesus from the dead dwells in you, He who raised Christ Jesus from the dead will also give life to your mortal bodies through His Spirit who indwells you.

¹²So then, brethren, we are under obligation, not to the flesh, to live according to the flesh—¹³for if you are living according to the flesh, you must die; but if by the Spirit you are putting to death the deeds of the body, you will live. ¹⁴For all who are being led by the Spirit of God, these are sons of God.

Romans 8.15-8.27

15For you have not received a spirit of slavery for fear again, but you have received the Spirit of adoption as sons by which we cry out, “Abba! Father!” 16The Spirit Himself bears witness with our spirit that we are children of God, 17and if children, heirs also, heirs of God and fellow heirs with Christ, if indeed, we suffer with *Him* in order that we may also be glorified with *Him*.

The future glory (8.18-8.25)

18For I consider that the sufferings of this present time are not worthy to be compared with the glory that is to be revealed to us. 19For the anxious longing of the creation waits eagerly for the revealing of the sons of God. 20For the creation was subjected to futility, not by its own will, but because of Him who subjected it, in hope 21that the creation itself also will be set free from its slavery to corruption into the freedom of the glory of the children of God. 22For we know that the whole creation groans and suffers the pains of childbirth together until now. 23And not only this, but also we ourselves, having the first fruits of the Spirit, even we ourselves groan within ourselves, waiting eagerly for *our* adoption as sons, the redemption of our body. 24For in hope we have been saved, but hope that is seen is not hope; for why does one also hope for what he sees? 25But if we hope for what we do not see, with perseverance we wait eagerly for it.

Our victory in Christ (8.26-8.30)

26And in the same way the Spirit also helps our weakness; for we do not know how to pray as we should, but the Spirit Himself intercedes for *us* with groanings too deep for words; 27and He who searches the hearts knows what the mind of the Spirit is, because He intercedes for the saints according to *the will of God*.

Rô-ma 8.15-8.27

15Vì anh em đã chẳng nhận một linh của sự nô-lệ để sợ-hãi một lần nữa, nhưng anh em đã nhận Linh của sự nhận làm con trai nhờ đó chúng ta thét lên: “A-ba!⁽¹⁾ Cha!” 16Chính Linh mang chứng cứ với linh của chúng ta rằng chúng ta là con cái của Đức Chúa TRỜI, 17và nếu là con cái, thì cũng là kẻ kế-tự, kẻ kế-tự của Đức Chúa TRỜI và đồng kế-tự với Cơ-rít-tô, nếu quả thật, chúng ta chịu khổ với Ngài để chúng ta cũng được vinh-hiến với Ngài.

Sự vinh-hiến trong tương-lai (8.18-8.25)

18Vì tôi cho rằng các sự đau-khổ của thời hiện tại này chẳng đáng sánh với vinh-hiến sắp được tiết-lộ cho chúng ta. 19Vì sự nóng lòng bồn-chồn của tạo-vật hăm-hờ chờ đợi sự tiết-lộ các con trai của Đức Chúa TRỜI. 20Vì tạo-vật đã bị đặt dưới sự vô-nghĩa, không vì tự ý của nó, nhưng vì Đấng đã đặt nó, trong hy-vọng 21rằng chính tạo-vật cũng sẽ được giải-phóng khỏi vòng nô-lệ của nó cho sự thối-nát để vào sự tự-do vinh-hiến của con cái của Đức Chúa TRỜI. 22Vì chúng ta biết rằng toàn-thể tạo-vật cùng nhau rên-ri và chịu đựng những cơn đau để cho đến bây giờ. 23Và không chỉ điều này, nhưng cũng chính chúng ta, có những trái đầu tiên của Linh, ngay chính chúng ta cũng rên-ri bên trong chúng ta, đang hăm-hờ chờ đợi để được nhận làm con trai nuôi, sự cứu-chuộc thân-thể của chúng ta. 24Vì trong hy-vọng chúng ta đã được cứu, nhưng hy-vọng thấy được không là hy-vọng; vì tại sao người ta cũng hy-vọng điều mình không thấy? 25Nhưng nếu chúng ta hy-vọng điều mình không thấy, chúng ta hăm-hờ chờ đợi nó với sự bền-chí.

Sự thắng cuộc của chúng ta trong Cơ-rít-tô (8.26-8.30)

26Và trong cùng một cách đó, Linh cũng giúp sự yếu-đuôi của chúng ta; vì chúng ta chẳng biết cầu-nguyện như thế nào cho phải, nhưng chính Linh cầu-thay cho chúng ta với các tiếng rên-ri quá sâu không thể nói bằng lời; 27và Ngài là Đấng dò-xét tâm biết tâm trí của Linh là gì, vì Ngài cầu-thay cho các thánh-đồ theo ý-muốn của Đức Chúa TRỜI.

¹Tiếng A-ra-ma-ít: Ba Ba; Ga-la-ti 4.6

Rô-ma 8.28-8.38

28Và chúng ta biết rằng Đức Chúa TRỜI khiến tất cả các sự việc cùng nhau làm việc cho sự tốt-đẹp cho những kẻ yêu Đức Chúa TRỜI, cho những kẻ được gọi theo mục-dịch của Ngài. 29Cho những kẻ mà Ngài đã biết trước, Ngài cũng đã định trước để trở thành phù hợp với hình-ảnh của Con Trai của Ngài, để Ngài đã có thể là Con đầu-lòng giữa nhiều anh-em; 30và những kẻ mà Ngài đã định trước, Ngài cũng đã gọi họ; và những kẻ mà Ngài đã gọi, Ngài cũng đã xưng họ công-chính; và những kẻ mà Ngài đã xưng công-chính, Ngài cũng đã làm họ vinh-hiến.

Không có gì có thể phân-rẽ chúng ta khỏi sự thương-yêu của Đức Chúa TRỜI (8.31-8.39)

31Thế-then chúng ta sẽ nói gì về những điều này? Nếu Đức Chúa TRỜI vì chúng ta, ai chống lại chúng ta? 32Ngài là Đấng đã chẳng tha chính Con Trai của Ngài, nhưng đã phó Ngài vì tất cả chúng ta, làm sao Ngài với Con ấy lại cũng không rộng-rãi ban cho chúng ta tất cả các sự việc? 33Ai sẽ đem sự buộc-tội nghịch cùng kẻ được chọn của Đức Chúa TRỜI? Chính Đức Chúa TRỜI là Đấng xưng công-chính; 34ai là người kết-án? Cơ-rít-tô Giê-xu là Đấng đã chết, vâng, đúng hơn là Đấng đã được vực sống lại, là Đấng ở nơi tay hữu của Đức Chúa TRỜI, là Đấng cũng cầu-thay cho chúng ta. 35Ai sẽ phân-rẽ chúng ta khỏi tình thương của Cơ-rít-tô? Sẽ là hoạn-nạn, hay khốn khó, hay bắt bớ, hoặc nạn đói, hoặc trần-truồng, hay nguy-hiểm, hay gươm chĩa? 36Y như được viết:

“VÌ CHÚA, CHÚNG CON ĐANG BỊ GIẾT SUỐT CẢ NGÀY;
CHÚNG CON ĐÃ BỊ XEM NHƯ CHIÊN ĐÈ BỊ GIẾT THỊT.”⁽¹⁾

37Song trong tất cả các sự việc này, chúng ta chinh-phục lớn qua Đấng đã yêu-thương chúng ta. 38Vì tôi được thuyết-phục rằng sự chết cũng không, sự sống cũng không, các thiên-sứ cũng không, các chức vương cũng không, các sự việc hiện-tại cũng không, các sự việc hầu đến cũng không, các quyền-lực cũng không,

Romans 8.28-8.38

28And we know that God causes all things to work together for good to those who love God, to those who are called according to *His* purpose. 29For whom He foreknew, He also predestined to become conformed to the image of His Son, that He might be the firstborn among many brethren; 30and whom He predestined, these He also called; and whom He called, these He also justified; and whom He justified, these He also glorified.

Nothing can separate us from God's love (8.31-8.39)

31What then shall we say to these things? If God *is* for us, who *is* against us? 32He who did not spare His own Son, but delivered Him up for us all, how will He not also with Him freely give us all things? 33Who will bring a charge against God's elect? God is the one who justifies; 34who is the one who condemns? Christ Jesus is He who died, yes, rather who was raised, who is at the right hand of God, who also intercedes for us. 35Who will separate us from the love of Christ? Shall tribulation, or distress, or persecution, or famine, or nakedness, or peril, or sword? 36Just as it is written,

“FOR THY SAKE WE ARE BEING PUT TO DEATH ALL DAY LONG;
WE WERE CONSIDERED AS SHEEP TO BE SLAUGHTERED.”

37But in all these things we overwhelmingly conquer through Him who loved us. 38For I am convinced that neither death, nor life, nor angels, nor principalities, nor things present, nor things to come, nor powers,

¹Thánh-thi 44.22; Công-vụ 20.24; 1 Cô-rinh-tô 4.9; 15.30;
2 Cô-rinh-tô 1.9; 4.10; 6.9; 11.23

Romans 8.39-9.13

³⁹nor height, nor depth, nor any other created thing, shall be able to separate us from the love of God, which is in Christ Jesus our Lord.

4. Israel's past, present, and future (9.1-11.36)

Paul's sorrow for the Israel (9.1-9.5)

9 ¹I am telling the truth in Christ—I am not lying, my conscience bearing me witness in the Holy Spirit—²that I have great sorrow and unceasing grief in my heart. ³For I could pray that I myself were accursed, *separated* from Christ for the sake of my brethren, my kinsmen according to the flesh, ⁴who are Israelites, to whom belongs the adoption as sons, and the glory and the covenants and the giving of the Law and the *temple* service and the promises, ⁵whose are the fathers, and from whom is the Christ according to the flesh, who is over all, God blessed unto the ages. Amen.

God's sovereignty (9.6-9.29)

⁶But *it is* not as though the word of God has failed. For they are not all Israel who are *descended* from Israel; ⁷neither are they all children because they are Abraham's seed, but: "THROUGH ISAAC THAT YOUR SEED WILL BE NAMED." ⁸That is, it is not the children of the flesh who are children of God, but the children of the promise are regarded as seed. ⁹For this is the word of promise: "AT THIS TIME I WILL COME, AND SARAH SHALL HAVE A SON." ¹⁰And not only this, but there was Rebekah also, when she had conceived *twins* by one man, our father Isaac; ¹¹for though *the twins* were not yet born, and had not done anything good or bad, in order that God's purpose according to *His* choice might stand, not because of works but because of Him who calls, ¹²it was said to her, "THE OLDER WILL SERVE THE YOUNGER." ¹³Just as it is written, "JACOB I LOVED, BUT ESAU I HATED."

Rô-ma 8.39-9.13

³⁹chiều cao cũng không, chiều sâu cũng không, tạo-vật nào khác cũng không, sẽ có thể phân-rẽ chúng ta khỏi tình thương của *Đức* Chúa TRỜI, ở trong Cơ-rít-tô Giê-xu Chúa của chúng ta.

4. Quá-khứ, hiện-tại, và tương-lai của Y-sơ-ra-ên (9.1-11.36)

Nỗi buồn của Phao-lô vì Y-sơ-ra-ên (9.1-9.5)

9 ¹Tôi đang nói sự thật trong Cơ-rít-tô—tôi không nói dối; lương-tâm của tôi mang cho tôi chứng cứ trong *Đức* Thánh-Linh—²rằng tôi có sự buồn phiền lớn-lao và nỗi đau-buồn chẳng ngừng trong tâm của tôi. ³Vì tôi đã có thể cầu-nguyện rằng *thà* chính tôi bị rửa-sả, bị *tách ra* khỏi Cơ-rít-tô vì cố các anh em của tôi, những người bà con của tôi theo xác-thịt, ⁴là những người Y-sơ-ra-ên, *mà* thuộc về họ sự nhận làm con trai nuôi, và vinh-hiến và các giao-ước và việc ban cho Luật-pháp và sự phục-dịch *trong đền-thờ* và các lời hứa, ⁵các tổ-phụ là của họ, và từ họ ra Cơ-rít-tô theo xác-thịt, là Đấng ở trên tất cả, *Đức* Chúa TRỜI được chúc-tụng đến các thời-đại. A-men.

Quyền tối-cao của Đức Chúa TRỜI (9.6-9.29)

⁶Nhưng chẳng phải lời của *Đức* Chúa TRỜI dường như đã thất bại đâu. Vì không phải tất cả Y-sơ-ra-ên đều xuất thân từ Y-sơ-ra-ên; ⁷cũng không phải tất cả họ đều là con cái bởi vì họ là dòng-giống của Áp-ra-ham, nhưng: "QUA Y-SÁC DÒNG-GIỐNG CỦA NGƯỜI SẼ ĐƯỢC ĐẶT TÊN."⁽¹⁾ ⁸Nghĩa là: không phải con cái thuộc về xác-thịt là con cái của *Đức* Chúa TRỜI, nhưng con cái thuộc về lời hứa mới được coi là dòng-giống. ⁹Vì đây là lời hứa: "VÀO THỜI-GIAN NÀY TA SẼ ĐẾN, VÀ SA-RA SẼ CÓ MỘT ĐỨA CON TRAI."⁽²⁾ ¹⁰Và không chỉ điều này, nhưng cũng có Rê-bê-ca, khi bà có thai *đôi* bởi một người đàn-ông, là tổ-phụ Y-sác của chúng ta, ¹¹vì *đầu song thai* chưa được sinh ra, và chưa làm điều gì tốt hay xấu, để mục-đích của *Đức* Chúa TRỜI theo sự chọn lựa của Ngài được đứng, không bởi việc làm nhưng bởi Ngài là Đấng gọi, ¹²được nói cùng bà: "ĐỨA LỚN SẼ PHỤC-VỤ ĐỨA NHỎ."⁽³⁾ ¹³Y như được viết: "GIA-CÓP TA ĐÃ YÊU, NHƯNG Ê-SAU TA ĐÃ GHÉT."⁽⁴⁾

¹Sáng-thể 21.12; Hê-bơ-rơ 11.18

²Sáng-thể 18.10

³Sáng-thể 25.23

⁴Ma-la-chi 1.2

Rô-ma 9.14-9.25

14Vậy thì chúng ta sẽ nói gì? Có sự bất-công với Đức Chúa TRỜI chăng? Chẳng bao giờ! 15Vì Ngài phán với Môi-se: “TA SẼ CÓ LÒNG KHOAN-DUNG TRÊN KẸ TA CÓ LÒNG KHOAN-DUNG, VÀ TA SẼ CÓ LÒNG THƯƠNG-XÓT TRÊN KẸ TA CÓ LÒNG THƯƠNG-XÓT.”⁽¹⁾ 16Vậy thì không phụ thuộc vào kẻ muốn hay người chạy, nhưng vào Đức Chúa TRỜI có lòng khoan-dung. 17Vì lời Thánh-Kinh nói cùng Pha-ra-ôn: “VÌ CHÍNH MỤC-ĐÍCH NÀY TA ĐÃ DÂY NGƯỜI LÊN, ĐỂ BIỂU-LỘ QUYỀN-NĂNG CỦA TA TRONG NGƯỜI, VÀ ĐỂ DANH TA ĐƯỢC CÔNG-BỐ KHẮP TRÁI ĐẤT.”⁽²⁾ 18Vậy thì Ngài có lòng khoan-dung trên kẻ Ngài muốn, và Ngài làm cứng lòng⁽³⁾ kẻ Ngài muốn.

19Rồi anh em sẽ nói với tôi: “Tại sao Ngài còn bói lỗi? Vì ai kháng-cự được ý muốn của Ngài?” 20Trái lại, người là ai, hỡi loài người, mà đáp trả Đức Chúa TRỜI? Vật được nắn sẽ chẳng nói với người nắn: “Tại sao ông đã làm nên tôi giống như cái này, có chăng?” 21Hay, há thợ gốm chẳng có quyền trên đất sét, để làm từ cùng một cục đất thành bình này cho danh-dự, và bình khác cho ô danh chăng? 22Còn nếu Đức Chúa TRỜI, dẫu muốn biểu-lộ cơn thịnh-nộ của Ngài và làm cho quyền-năng của Ngài được biết, đã chịu đựng với nhiều kiên-nhẫn những bình chứa cơn thịnh-nộ, là thứ đã được chuẩn-bị cho sự hủy-diệt thì sao? 23Và Ngài đã làm vậy để Ngài bày tỏ sự giàu-có của vinh-hiến của Ngài trên các bình chứa khoan-dung, là thứ Ngài đã chuẩn-bị trước cho sự vinh-hiến—²⁴ngay cả chúng ta, là kẻ Ngài cũng đã gọi, không chỉ từ giữa những người Giu-đa, nhưng cũng còn từ giữa các dân Ngoại-bang? 25Như Ngài cũng nói trong Ô-sê:

“TA SẼ GỌI NHỮNG KẸ ĐÃ CHĂNG PHẢI LÀ DÂN CỦA TA: ‘DÂN CỦA TA,’ VÀ KẸ ĐÃ CHĂNG ĐƯỢC YÊU-ĐÁU: ‘YÊU-ĐÁU.’”⁽⁴⁾

Romans 9.14-9.25

14What shall we say then? Is there injustice with God, is there? May it never be! 15For He says to Moses, “I WILL HAVE MERCY ON WHOM I HAVE MERCY, AND I WILL HAVE COMPASSION ON WHOM I HAVE COMPASSION.” 16So then it *does* not depend on the man who wills or the man who runs, but on God who has mercy. 17For the Scripture says to Pharaoh, “FOR THIS VERY PURPOSE I RAISED YOU UP, TO DEMONSTRATE MY POWER IN YOU, AND THAT MY NAME MIGHT BE PROCLAIMED THROUGHOUT THE WHOLE EARTH.” 18So then He has mercy on whom He desires, and He hardens whom He desires.

19You will say to me then, “Why does He still find fault? For who resists His will?” 20On the contrary, who are you, O man, who answers back to God? The thing molded will not say to the molder, “Why did you make me like this,” will it? 21Or does not the potter have a right over the clay, to make from the same lump one vessel for honor, and another for dishonor? 22What if God, although willing to demonstrate His wrath and to make His power known, endured with much patience vessels of wrath prepared for destruction? 23And He *did so* in order that He might make known the riches of His glory upon vessels of mercy, which He prepared beforehand for glory—²⁴*even us*, whom He also called, not from among Jews only, but also from among the Gentiles. 25As He says also in Hosea,

“I WILL CALL THOSE WHO WERE NOT MY PEOPLE, ‘MY PEOPLE,’ AND HER WHO WAS NOT BELOVED, ‘BELOVED.’”

¹Xuất-hành 33.19

²Xuất-hành 9.16

³Xuất-hành 4.21; 7.3; 9.12; 10.20, 10.27; 11.10; 14.4, 14.17; Bài giảng của Mô-se 2.30; Giô-suê 11.20

⁴Ô-sê 2.23; 1 Phi-e-rơ 2.10

Romans 9.26-10.2

26“AND IT SHALL BE THAT IN THE PLACE WHERE IT WAS SAID TO THEM, ‘YOU ARE NOT MY PEOPLE,’ THERE THEY SHALL BE CALLED SONS OF THE LIVING GOD.”

27And Isaiah cries out concerning Israel, “THOUGH THE NUMBER OF THE SONS OF ISRAEL BE AS THE SAND OF THE SEA, IT IS THE REMNANT THAT WILL BE SAVED; 28FOR THE LORD WILL EXECUTE HIS WORD ON THE EARTH, FINISHING IT AND CUTTING IT SHORT.” 29And just as Isaiah foretold,

“EXCEPT THE LORD OF HOSTS HAD LEFT TO US A SEED, WE WOULD HAVE BECOME AS SODOM, AND WOULD HAVE BEEN MADE LIKE GOMORRAH.”

Israel not believe, but the Gentiles believe in the gospel (9.30-9.33)

30What shall we say then? That the Gentiles, who did not pursue righteousness, attained righteousness, even the righteousness which is out of faith; 31but Israel, pursuing a law of righteousness, did not arrive at *that* law. 32Why? Because *they did not pursue it* out of faith, but as though *it were* out of works. They stumbled over the stumbling stone, 33just as it is written,

“BEHOLD, I LAY IN ZION A STONE OF STUMBLING AND A ROCK OF OFFENSE, AND HE WHO BELIEVES IN HIM WILL NOT BE PUT TO SHAME.”

The word of faith brings salvation (10.1-10.21)

10 1Brethren, my heart’s desire and my prayer to God for them is for *their* salvation. 2For I bear them witness that they have a zeal for God, but not in accordance with knowledge.

Rô-ma 9.26-10.2

26“VÀ SẼ RẰNG TRONG CHỖN, CÂU ‘CÁC NGƯỜI CHẰNG PHẢI LÀ DÂN CỦA TA,’ ĐÃ ĐƯỢC PHÁN CÙNG CHÚNG; Ở ĐÓ CHÚNG SẼ ĐƯỢC GỌI LÀ NHỮNG CON TRAI CỦA ĐỨC CHÚA TRỜI SỐNG.”⁽¹⁾

27Và Ê-sai⁽²⁾ kêu lên về Y-sơ-ra-ên: “DÙ CON SỐ CÁC CON TRAI CỦA Y-SO-RA-ÊN NHƯ CÁT BIỂN, CHÍNH PHẦN CÒN SÓT LẠI SẼ ĐƯỢC CỨU; 28VÌ ĐỨC CHÚA SẼ THI-HÀNH LỜI CỦA NGÀI TRÊN TRÁI ĐẤT, CHẤM DỨT NÓ VÀ CẮT NGẮN NÓ.”⁽³⁾ 29Và y như Ê-sai đã báo trước:

“TRỪ PHI ĐỨC CHÚA CỦA VẠN-QUÂN ĐÃ ĐỂ LẠI CHO CHÚNG TA MỘT HẠT GIỐNG⁽⁴⁾, CHÚNG TA HẸN ĐÃ TRỞ NÊN NHƯ SÔ-ĐÔM, VÀ ĐÃ BỊ LÀM GIỐNG NHƯ GÔ-MÔ-RÔ⁽⁵⁾.”

Y-sơ-ra-ên không tin, nhưng các dân Ngoại-bang tin tin-lành (9.30-9.33)

30Vậy thì chúng ta sẽ nói gì? Rằng dân Ngoại-bang, đã chẳng đeo đuổi sự công-chính, đã được công-chính, tức là sự công-chính ra từ đức-tin; 31nhưng Y-sơ-ra-ên, đeo đuổi một luật-pháp của sự công-chính, đã chẳng đến luật-pháp đó. 32Tại sao? Bởi vì họ đã chẳng đeo đuổi nó từ đức-tin, nhưng dường như từ việc làm. Họ đã vấp trên hòn đá làm vấp ngã, 33y như được viết:

6“NÀY, TA ĐỀ TẠI SI-ÔN MỘT HÒN ĐÁ LÀM VẤP NGÃ VÀ MỘT TẢNG ĐÁ LÀM MÍCH LÒNG, VÀ HẸ AI TIN NGÀI SẼ KHÔNG BỊ LÀM HỔ-THẸN.”⁽⁷⁾

Lời của đức-tin đem đến sự cứu-rỗi (10.1-10.21)

10 1Thưa anh em, sự ước-ao của tâm tôi và lời cầu-nguyện của tôi cùng Đức Chúa TRỜI cho họ là vì sự cứu-rỗi của họ. 2Vì tôi mang cho họ chứng cứ rằng họ có lòng sốt-sắng vì Đức Chúa TRỜI, nhưng không phù-hợp với sự hiểu-biết.

¹Ô-sê 1.10

²Ê-sai 10.22-10.23

³Sáng-thể 22.17; Ô-sê 1.10; Rô-ma 11.5

⁴Ê-sai 1.9

⁵Bài giảng của Mô-se 29.23; Ê-sai 13.19; Giê-rê-mi 49.18; 50.40; A-mốt 4.11

⁶Ê-sai 28.16

⁷Ê-sai 8.14

Rô-ma 10.3-10.18

3Vì không biết về công-chính của Đức Chúa TRỜI, và tìm cách lập công-chính riêng của họ, họ đã chẳng đặt chính họ dưới sự công-chính của Đức Chúa TRỜI. 4Vì Cơ-rít-tô là sự hoàn-thành của luật-pháp vì sự công-chính cho mọi kẻ tin. 5Vì Môi-se viết rằng người thực-hành sự công-chính ra từ luật-pháp sẽ sống bởi sự công-chính đó. 6Nhưng sự công-chính ra từ đức-tin nói như vậy: “CHỖ NÓI TRONG TÂM CỦA NGƯỜI: ‘AI SẼ THĂNG VÀO TRONG TRỜI?’ (nghĩa là, để đưa Cơ-rít-tô xuống); 7‘hay: ‘AI SẼ XUỐNG VÀO VỰC SÂU?’”⁽¹⁾ (nghĩa là, để đem Cơ-rít-tô lên từ kẻ chết.) 8Nhưng nó nói gì? “LỜI Ở GẦN NGƯỜI, TRONG MIỆNG NGƯỜI VÀ TRONG TÂM NGƯỜI,”⁽²⁾ (nghĩa là, lời của đức-tin mà chúng tôi đang thuyết-giảng); 9đề nếu người thú-nhận với miệng của người: Giê-xu là Chúa, và tin trong tâm của người rằng Đức Chúa TRỜI đã vực Ngài sống lại từ kẻ chết, thì người sẽ được cứu; 10vì với tâm con người tin, thì được sự công-chính, và với miệng hấn thú-nhận, thì được sự cứu-rỗi. 11Vì Thánh-Kinh nói: “HỀ AI TIN NGÀI SẼ CHẴNG BỊ LÀM HỒ-THẸN.”⁽³⁾ 12Vì chẳng có sự phân-biệt gì giữa người Giu-đa và người Gô-réc; vì cùng một Chúa là Chúa của tất cả, đầy sự giàu-có cho tất cả những kẻ kêu-cầu Ngài; 13vì, “HỀ AI KÊU-CẦU DANH CỦA ĐỨC CHÚA THÌ SẼ ĐƯỢC CỨU.”⁽⁴⁾ 14Thế-then làm sao họ kêu-cầu Ngài là Đấng mà họ chưa tin? Và làm sao họ tin Ngài là Đấng mà họ chưa nghe? Và làm sao họ sẽ nghe nếu không có người thuyết-giảng? 15Và làm sao họ sẽ thuyết-giảng trừ phi họ được sai đi? Y như được viết: “ĐẸP BIẾT BAO BÀN CHÂN CỦA NHỮNG KẺ ĐEM ĐẾN TIN MỪNG VỀ CÁC SỰ VIỆC LÀNH!”⁽⁵⁾

16Tuy nhiên, tất cả họ đã chẳng để ý đến tin-lành; vì Ê-sai nói: “CHÚA ÔI, AI ĐÃ TIN THÔNG-ĐIỆP CỦA CHÚNG TÔI?”⁽⁶⁾ 17Vì vậy đức-tin đến từ việc nghe, và việc nghe bởi lời của Cơ-rít-tô. 18Nhưng tôi nói: chắc chắn họ đã chẳng bao giờ nghe, có chăng? Thật ra họ có;

¹Bài giảng của Mô-se 30.12

²Bài giảng của Mô-se 30.14

³Ê-sai 28.16

⁴Giô-ên 2.32

⁵Ê-sai 52.7

⁶Ê-sai 53.1

Romans 10.3-10.18

3For not knowing about God's righteousness and seeking to establish their own, they did not subject themselves to the righteousness of God. 4For Christ is the end of the law for righteousness to everyone who believes. 5For Moses writes that the man who practices the righteousness which is out of the law shall live by that righteousness. 6But the righteousness out of faith speaks thus, "DO NOT SAY IN YOUR HEART, 'WHO WILL ASCEND INTO HEAVEN?' (that is, to bring Christ down), 7or 'WHO WILL DESCEND INTO THE ABYSS?' (that is, to bring Christ up from the dead)." 8But what does it say? "THE WORD IS NEAR YOU, IN YOUR MOUTH AND IN YOUR HEART" (that is, the word of faith which we are preaching); 9that if you confess with your mouth Jesus as Lord, and believe in your heart that God raised Him from the dead, you will be saved; 10for with the heart man believes, to righteousness, and with the mouth he confesses, to salvation. 11For the Scripture says, "WHOEVER BELIEVES IN HIM WILL NOT BE PUT TO SHAME." 12For there is no distinction between Jew and Greek; for the same Lord is Lord of all, abounding in riches for all who call upon Him; 13for, "WHOEVER WILL CALL ON THE NAME OF THE LORD WILL BE SAVED." 14How then shall they call upon Him in whom they have not believed? And how shall they believe in Him whom they have not heard? And how will they hear without a preacher? 15And how shall they preach unless they are sent? Just as it is written, "HOW BEAUTIFUL ARE THE FEET OF THOSE WHO BRING GOOD TIDINGS OF GOOD THINGS!"

16However, they did not all heed the gospel; for Isaiah says, "LORD, WHO HAS BELIEVED OUR REPORT?" 17So faith comes from hearing, and hearing by the word of Christ. 18But I say, surely they have never heard, have they? Indeed they have;

Romans 10.19-11.6

“THEIR VOICE HAS GONE OUT INTO ALL THE EARTH,
AND THEIR WORDS TO THE ENDS OF THE WORLD.”

19But I say, surely Israel did not know, did they? At the first Moses says,

“I WILL MAKE YOU JEALOUS BY THAT WHICH IS NOT A NATION,
BY A NATION WITHOUT UNDERSTANDING WILL I ANGER YOU.”

20And Isaiah is very bold and says,

“I WAS FOUND BY THOSE WHO SOUGHT ME NOT,
I BECAME MANIFEST TO THOSE WHO DID NOT ASK FOR ME.”

21But as for Israel He says, “ALL THE DAY LONG I HAVE STRETCHED OUT MY HANDS TO A DISOBEDIENT AND OBSTINATE PEOPLE.”

God's mercy on Israel (11.1-11.10)

11 ¹I say then, God has not rejected His people, has He? May it never be! For I too am an Israelite, of the seed of Abraham, of the tribe of Benjamin. ²God has not rejected His people whom He foreknew. Or do you not know what the Scripture says in *the passage about Elijah*, how he pleads with God against Israel? ³“Lord, THEY HAVE KILLED YOUR PROPHETS, THEY HAVE TORN DOWN YOUR ALTARS, AND I ALONE AM LEFT, AND THEY ARE SEEKING MY LIFE.” ⁴But what is the divine response to him? “I HAVE KEPT FOR MYSELF SEVEN THOUSAND MEN WHO HAVE NOT BOWED THE KNEE TO BAAL.” ⁵In the same way then, there has also come to be at the present time a remnant according to *God's* choice of grace. ⁶But if it is by grace, it is no longer on the basis of works, otherwise grace is no longer grace.

Rô-ma 10.19-11.6

“TIẾNG CỦA HỌ ĐÃ ĐI RA VÀO TRONG TẤT CẢ TRÁI ĐẤT,
VÀ CÁC LỜI CỦA HỌ TỚI CÁC ĐẦU-CÙNG CỦA THẾ-GIỚI.”⁽¹⁾

19Nhưng tôi nói: chắc-chắn Y-sơ-ra-ên đã chẳng biết, có chẳng? Lúc bắt đầu Môi-se nói:

“TA SẼ LÀM CHO CÁC NGƯỜI GHEN BỞI CÁI KHÔNG PHẢI LÀ MỘT DÂN-TỘC;
BỞI MỘT DÂN-TỘC KHÔNG HIỂU-BIỆT, TA SẼ LÀM CÁC NGƯỜI GIẬN.”⁽²⁾

20Và Ê-sai rất dạn-dĩ và nói:

“NHỮNG KẼ ĐÃ CHẴNG TÌM TA, ĐÃ TÌM ĐƯỢC TA;
TA ĐÃ TRỞ NÊN HIỆN NHIÊN CHO NHỮNG KẼ ĐÃ CHẴNG XIN GẶP TA.”⁽³⁾

21Nhưng, về phần Y-sơ-ra-ên Ngài nói: “SUỐT CẢ NGÀY TA ĐÃ GIÓ TAY CỦA TA RA CHO MỘT DÂN KHÔNG VẮNG LỜI VÀ BUỞNG-BÌNH.”

Sự khoan-dung của Đức Chúa TRỜI trên Y-sơ-ra-ên (11.1-11.10)

11 ¹Thế-then tôi nói: Đức Chúa TRỜI đã chẳng bác bỏ dân của Ngài, có chẳng? Chẳng bao giờ! Vì tôi cũng là một người Y-sơ-ra-ên, thuộc dòng-dõi Áp-ra-ham, thuộc chi-tộc Bên-gia-min. ²Đức Chúa TRỜI đã chẳng bác bỏ dân của Ngài, dân mà Ngài đã biết trước. Hay anh em chẳng biết Thánh-Kinh nói gì trong *đoạn về Ê-li-gia*, thế nào người kêu nài với Đức Chúa TRỜI nghịch với Y-sơ-ra-ên? ³“Chúa ôi, HỌ ĐÃ GIẾT CÁC TIÊN-TRI CỦA CHÚA. HỌ ĐÃ KÉO ĐỒ CÁC BÀN-THỜ CỦA CHÚA; VÀ MỘT MÌNH CON CÒN LẠI, VÀ HỌ ĐANG TRUY TÀM SINH-MẠNG CON.”⁽⁴⁾ ⁴Nhưng lời đáp thần-thánh cùng hắn là gì? “TA ĐÃ GIỮ CHO TA BẢY NGÀN NGƯỜI ĐÃ CHẴNG QUI GÓI LẠY BA-ANH.”⁽⁵⁾ ⁵Rồi cùng một cách, cũng có một phần sót lại trong hiện-tại theo sự lựa chọn *đầy* ân-điển của Đức Chúa TRỜI. ⁶Nhưng nếu nó là bởi ân-điển, nó chẳng còn trên nền-tảng của việc làm nữa, bằng không ân-điển chẳng còn là ân-điển.

¹Thánh-thi 19.1

²Bài giảng của Mô-se 32.21

³Ê-sai 65.1-65.2

⁴1 Các vua 19.10, 19.14

⁵1 Các vua 19.18

Rô-ma 11.7-11.17

7Rồi sao? Điều Y-sơ-ra-ên đang tìm-kiếm, nó đã chẳng đạt được, song những kẻ lựa-chọn đã đạt được nó, và phần còn lại đã bị làm cứng đi, 8y như được viết:

“ĐỨC CHÚA TRỜI ĐÃ CHO HỌ MỘT LINH TÊ-MÊ,
MẮT KHÔNG THẤY VÀ TAI KHÔNG NGHE,
XUỐNG CHO ĐẾN CHÍNH NGÀY NÀY.”⁽¹⁾

9Và Đa-vít nói:

“HÃY ĐỂ BÀN TIỆC CỦA HỌ TRỞ THÀNH LƯỚI
VÀ BÃY,
VÀ KHÓI ĐÁ LÀM VẤP NGÃ VÀ SỰ TRÙNG-
PHAT CHO HỌ;
10“HÃY ĐỂ MẮT CỦA HỌ BỊ TRỞ NÊN TỐI ĐỂ
KHÔNG THẤY,
VÀ HÃY UỐN CONG LƯNG CỦA HỌ MÃI
MÃI.”⁽²⁾

Qua sự sẩy chân của Y-sơ-ra-ên sự cứu rỗi đã đến các dân Ngoại-bang (11.11-11.16)

11Thế-then tôi nói: họ đã chẳng sẩy chân để ngã, có phải chẳng? Chẳng bao giờ! Nhưng bởi sự vi-phạm của họ sự cứu-rỗi đã đến cùng các dân Ngoại-bang, để làm cho họ ganh tị. 12Bây giờ nếu sự vi-phạm của họ là sự giàu-có cho thế-gian và nếu sự thất-bại của họ là sự giàu-có cho các dân Ngoại-bang, thì sự trọn đầy của họ sẽ còn *quí giá* nhiều hơn chùng nào! 13Nhưng tôi đang nói chuyện với anh em là các người Ngoại-bang. Thế-then xét vì tôi là một sứ-đồ cho dân Ngoại-bang, tôi tán dương mục-vụ của tôi, 14nếu bằng cách nào đó, tôi có thể thúc đẩy lòng ganh-tỵ của các người đồng-hương *theo* xác-thịt của tôi và cứu một số người của họ. 15Vì nếu sự bác-bỏ của họ là sự phục-hòa của thế-gian, thì sự chấp-nhận của họ là gì ngoại trừ sự sống từ người chết! 16Và nếu miếng đầu tiên của *bột nhồi* là thánh, thì cục *bột* cũng là thánh; và nếu rễ là thánh, thì các nhánh cũng là thánh.

Cành ô-li-ve hoang và cây ô-li-ve tốt (11.17-11.24)

17Nhưng nếu vài nhánh bị chặt đi, và anh em, là một cây ô-liu hoang, đã được tháp vào giữa họ và đã trở thành kẻ đồng dự với họ thuộc cái rễ sung-túc của cây ô-liu đó,

Romans 11.7-11.17

7What then? That which Israel is seeking for, it has not obtained, but the election obtained it, and the rest were hardened; 8just as it is written,

“GOD GAVE THEM A SPIRIT OF STUPOR,
EYES TO SEE NOT AND EARS TO HEAR NOT,
DOWN TO THIS VERY DAY.”

9And David says,

“LET THEIR TABLE BECOME A SNARE AND A
TRAP,
AND A STUMBLING BLOCK AND A
RETRIBUTION TO THEM.
10“LET THEIR EYES BE DARKENED TO SEE
NOT,
AND BEND THEIR BACKS FOREVER.”

Through Israel's stumbling salvation has come to the Gentiles (11.11-11.16)

11I say then, they did not stumble so as to fall, did they? May it never be! But by their transgression salvation *has come* to the Gentiles, to make them jealous. 12Now if their transgression is riches for the world and their failure is riches for the Gentiles, how much more will their fulfillment be! 13But I am speaking to you who are Gentiles. Inasmuch then as I am an apostle of Gentiles, I magnify my ministry, 14if somehow I might move to jealousy my flesh countrymen and save some of them. 15For if their rejection is the reconciliation of the world, what will *their* acceptance be but life from the dead? 16And if the first piece *of dough* is holy, the lump is also; and if the root is holy, the branches are too.

Wild olive branch and good olive tree (11.17-11.24)

17But if some of the branches were broken off, and you, being a wild olive, were grafted in among them and became partaker with them of the rich root of the olive tree,

¹Bài giảng của Mô-se 29.4; Ê-sai 29.10

²Thánh-thi 69.22-69.23

Romans 11.18-11.29

18do not be arrogant toward the branches; but if you are arrogant, *remember that* it is not you who supports the root, but the root *supports* you. 19You will say then, “Branches were broken off so that I might be grafted in.” 20Quite right, they were broken off for their unbelief, but you stand by your faith. Do not be conceited, but fear; 21for if God did not spare the natural branches, neither will He spare you. 22Behold then the kindness and severity of God; to those who fell, severity, but to you, God’s kindness, if you continue in His kindness; otherwise you also will be cut off. 23And they also, if they do not continue in their unbelief, will be grafted in, for God is able to graft them in again. 24For if you were cut off from what is by nature a wild olive tree, and were grafted contrary to nature into a cultivated olive tree, how much more shall these who are the natural *branches* be grafted into their own olive tree?

God’s mercy on all (11.25-11.36)

25For I do not want you, brethren, to be uninformed of this mystery, lest you will not be wise in your own estimation, that a partial hardening has happened to Israel until the fullness of the Gentiles has come in; 26and thus all Israel will be saved; just as it is written,

“THE DELIVERER WILL COME FROM ZION,
HE WILL REMOVE UNGODLINESS FROM JACOB.”
27“AND THIS IS THE COVENANT FROM ME WITH
THEM,
WHEN I TAKE AWAY THEIR SINS.”

28According to the gospel they are enemies for your sake, but according to the election of *God* they are beloved for the sake of the fathers; 29for the gifts and the calling of God are irrevocable.

Rô-ma 11.18-11.29

18thì chớ kiêu-ngạo đối với các nhánh đó; nhưng nếu anh em kiêu-ngạo, *hãy nhớ rằng* chẳng phải anh em đỡ cái rễ, nhưng cái rễ đỡ anh em. 19Thế-thì anh em sẽ nói: “Các nhánh đã bị chặt đi để tôi đã có thể được tháp vào.” 20Khá đúng, họ đã bị rút ra vì sự chẳng tin của họ, nhưng anh em đứng bởi đức-tin của anh em. Chớ tự cao tự đại, nhưng hãy kính-sợ; 21vì nếu *Đức* Chúa TRỜI đã chẳng tiếc các nhánh thiên-nhiên, Ngài cũng sẽ chẳng tiếc anh em. 22Thế-thì hãy ngắm xem sự ân-cần và sự nghiêm-nghị của *Đức* Chúa TRỜI; đối với những kẻ đã ngã, sự nghiêm-nghị, nhưng đối với anh em, sự ân-cần của *Đức* Chúa TRỜI, nếu anh em tiếp-tục trong sự ân-cần của Ngài; bằng không, anh em cũng sẽ bị chặt ra. 23Và họ cũng, nếu họ không tiếp-tục trong sự chẳng tin của họ, sẽ được tháp vào; vì *Đức* Chúa TRỜI có thể tháp họ vào một lần nữa. 24Vì nếu anh em đã bị chặt ra khỏi cây ô-liu hoang về bản-chất, và đã được tháp nghịch với bản-chất vào cây ô-liu nhà, thì những kẻ ấy là *những nhánh* thiên-nhiên được tháp vào chính cây ô-liu của họ thì lại càng tốt hơn biết chừng nào?

Sự khoan-dung của Đức Chúa TRỜI trên tất cả (11.25-11.36)

25Vì tôi không muốn anh em, hỡi anh em, không được cho biết về sự mâu-nhiệm này, e rằng anh em sẽ không khôn-ngoa trong sự đánh giá riêng của mình, rằng một phần cứng lòng đã xảy ra cho Y-sơ-ra-ên cho đến khi sự đầy đủ các dân Ngoại-bang đã vào trong; 26và như vậy tất cả Y-sơ-ra-ên sẽ được cứu-rỗi; y như được viết:

“ĐÁNG GIẢI-CỨU SẼ ĐẾN TỪ SI-ÔN;
NGÀI SẼ LOẠI BỎ SỰ KHÔNG TIN-KÍNH KHỎI
GIA-CÓP.”⁽¹⁾
27“VÀ ĐÂY LÀ GIAO-ƯỚC TỪ TA VỚI CHÚNG,
KHI TA CẮT ĐI NHỮNG TỘI CỦA CHÚNG.”⁽²⁾

28Theo tin-lành, họ là những kẻ thù vì có anh em, nhưng theo sự lựa-chọn của *Đức* Chúa TRỜI họ thì yêu-đầu vì có các tổ-phụ; 29vì các sự ban-cho và sự kêu-gọi của *Đức* Chúa TRỜI chẳng có thể thu lại.

¹Ê-sai 59.20

²Ê-sai 59.21; Giê-rê-mi 31.33, 31.34

Rô-ma 11.30-12.3

³⁰Vì y như anh em đã một lần không tuân-phục Đức Chúa TRỜI, nhưng bây giờ đã được tỏ ra sự khoan-dung vì sự bất tuân của họ, ³¹vì vậy những kẻ này bây giờ cũng đã không tuân-phục, để bởi cố sự khoan-dung đã được tỏ ra cho anh em, bây giờ họ cũng có thể được tỏ ra sự khoan-dung. ³²Vì Đức Chúa TRỜI đã nhốt tất cả trong sự không tuân-phục để Ngài có thể tỏ ra khoan-dung cho tất cả.

33Ồ! Sự phong phú của sự khôn-ngoaan lẫn kiến-thức của Đức Chúa TRỜI sâu nhiệm làm sao! Các phán-xét của Ngài không thể nào dò được và các đường-lối của Ngài không thể nào hiểu thấu được làm sao! ³⁴Vì AI ĐÃ BIẾT TÂM TRÍ CỦA ĐỨC CHÚA, HAY AI ĐÃ THÀNH CỐ-VÁN CỦA NGÀI?⁽¹⁾ ³⁵Hay AI ĐÃ CHO NGÀI ĐẦU TIÊN, VÀ NÓ SẼ ĐƯỢC TRẢ LẠI CHO NGÀI MỘT LẦN NỮA?⁽²⁾ ³⁶Vì tất cả các sự việc là từ Ngài và qua Ngài và cho Ngài. *Thuộc về Ngài là vinh-hiến cho đến các thời-đại.* A-men.

B. CÁCH-THỨC XỬ-SỰ (12.1-16.27)

1. Trách-nhiệm cá-nhân (12.1-15.13)

Một sinh-tế sống dâng lên Đức Chúa TRỜI (12.1-12.21)

12 ¹Bởi vậy, tôi cố nài anh em, hỡi anh em, bởi các sự khoan-dung của Đức Chúa TRỜI, dâng thân-thể của anh em làm một sinh-tế sống và thánh, có thể được chấp-nhận đối với Đức Chúa TRỜI, *ấy là sự phục-vụ thuộc-linh của sự thờ-phượng*⁽³⁾ của anh em. ²Và đừng thuận theo thế-gian này, nhưng hãy được biến-đổi bởi việc đổi mới tâm-trí của anh em, để anh em có thể chứng tỏ ý-muốn của Đức Chúa TRỜI là gì, rằng điều đó thì tốt và có thể được chấp-nhận và trọn-vẹn⁽⁴⁾.

³Vì qua ân-điền được ban cho tôi, tôi nói với mọi người giữa anh em: chớ nghĩ cao về mình hơn mình tưởng; nhưng nghĩ để có sự phán-xét chánh đáng, như Đức Chúa TRỜI đã phân-phối cho mỗi người tùy theo đức-tin của người đó.

¹Ê-sai 40.13

²Gióp 35.7; 41.11

³hay: phải lẽ, reasonable

⁴hay: để biết ý-muốn tốt-lành, đẹp lòng, và trọn-vẹn của Chúa Trời là thể nào

Romans 11.30-12.3

³⁰For just as you once were disobedient to God, but now have been shown mercy because of their disobedience, ³¹so these also now have been disobedient, in order that because of the mercy shown to you they also may now be shown mercy. ³²For God has shut up all in disobedience that He may show mercy to all.

33Oh, the depth of the riches both of the wisdom and knowledge of God! How unsearchable are His judgments and how unfathomable His ways! ³⁴For WHO HAS KNOWN THE MIND OF THE LORD, OR WHO BECAME HIS COUNSELOR? ³⁵Or WHO HAS FIRST GIVEN TO HIM, AND IT WILL BE PAID BACK TO HIM AGAIN? ³⁶For from Him and through Him and to Him are all things. To Him be the glory unto the ages. Amen.

B. HOW TO BEHAVE (12.1-16.27)

1. Personal responsibility (12.1-15.13)

A living sacrifice to God (12.1-12.21)

12 ¹Therefore I urge you, brethren, by the mercies of God, to present your bodies a living and holy sacrifice, acceptable to God, *which is your spiritual service of worship.* ²And do not be conformed to this world, but be transformed by the renewing of your mind, that you may prove what the will of God is, that which is good and acceptable and perfect.

³For through the grace given to me I say to every man among you not to think more highly of himself than he ought to think; but to think so as to have sound judgment, as God has allotted to each according as his faith.

Romans 12.4-12.21

⁴For just as we have many members in one body and all the members do not have the same function, ⁵so we, who are many, are one body in Christ, and individually members one of another. ⁶And since we have gifts that differ according to the grace given to us, *let each exercise them accordingly*: if prophecy, according to the proportion of his faith; ⁷if service, in his serving; or he who teaches, in his teaching; ⁸or he who exhorts, in his exhortation; he who gives, with liberality; he who leads, with diligence; he who shows mercy, with cheerfulness.

⁹Let love be without hypocrisy. Abhor what is evil; cling to what is good. ¹⁰Be devoted to one another in brotherly love; give preference to one another in honor; ¹¹not lagging behind in diligence, fervent in spirit, serving the Lord; ¹²rejoicing in hope, persevering in tribulation, devoted to prayer, ¹³contributing to the needs of the saints, pursuing hospitality. ¹⁴Bless those who persecute you; bless and curse not. ¹⁵Rejoice with those who rejoice, and weep with those who weep. ¹⁶Be of the same mind toward one another; do not be haughty in mind, but associate with the lowly. Do not be wise in your own estimation. ¹⁷Never pay back evil for evil to anyone. Take thought for what is right in the sight of all men. ¹⁸If possible, so far as it depends on you, be at peace with all men. ¹⁹Never take your own revenge, beloved, but leave a place for the wrath of God, for it is written, "VENGEANCE IS MINE, I WILL REPAY," says the Lord. ²⁰"BUT IF YOUR ENEMY IS HUNGRY, FEED HIM, AND IF HE IS THIRSTY, GIVE HIM A DRINK; FOR IN SO DOING YOU WILL HEAP BURNING COALS UPON HIS HEAD." ²¹Do not be overcome by evil, but overcome evil with good.

Rô-ma 12.4-12.21

⁴Vì y như chúng ta có nhiều chi-thể trong một thân-thể và tất cả các chi-thể không có cùng một chức-năng, ⁵thế là chúng ta, thì nhiều, là một thân-thể trong Cơ-rít-tô, và từng người là các chi-thể của nhau. ⁶Và vì chúng ta có các ân-tử khác nhau theo ân-điền được ban cho chúng ta, *để mỗi người tùy theo đó mà dùng chúng*: nếu nói tiên tri, *hãy* theo phần của đức-tin của mình; ⁷nếu phục-vụ, trong việc phục-vụ của mình; hay kẻ giảng-day, trong việc giảng-day của mình; ⁸hay kẻ khích-lệ, trong sự khích-lệ của mình; kẻ ban cho, với tính rộng rãi; kẻ dẫn-dắt, với sự tận-tụy; kẻ tỏ lòng khoan-dung, với sự tươi-cười.

⁹Hãy để tình thương-yêu không có sự giả-hình. Hãy ghê tởm điều xấu-xa, hãy bám chặt vào điều tốt. ¹⁰Hãy tận-tụy nhiệt tình lẫn nhau trong tình thương huynh-đệ; hãy ban quyền ưu-tiên cho nhau trong sự kính-trọng; ¹¹không thua kém trong sự chuyên-cần, nhiệt-thành trong linh, phụng-sự Chúa; ¹²vui-mừng trong hy-vọng, bền chí trong khổ-nạn, tận-tụy cầu-nguyện, ¹³góp phần cho những nhu-cầu của các thánh-dồ, theo đuổi sự hiếu khách. ¹⁴Hãy chúc phước những kẻ bắt bớ anh em; hãy chúc phước và chớ nguyên-rủa. ¹⁵Hãy mừng-vui với những kẻ vui-mừng, và khóc với những kẻ khóc. ¹⁶Hãy có cùng một tâm trí đối với nhau; chớ kiêu-căng trong tâm trí, nhưng giao-thiệp với người thấp kém. Chớ khôn-gioan theo mình tưởng. ¹⁷Đừng bao giờ lấy ác trả ác cho ai. Hãy nghĩ đến điều đúng trước mắt mọi người. ¹⁸Nếu có thể, tùy theo chừng-mực của anh em, hãy hòa-thuận với mọi người. ¹⁹Đừng bao giờ tự tay báo-thù, hỡi anh em yêu dấu, nhưng hãy nhường chỗ cho cơn thịnh-nộ của Đức Chúa TRỜI; vì được viết: "SỰ BÁO-THÙ LÀ CỦA TA, TA SẼ BÁO-ĐÁP,"⁽¹⁾ Chúa phán. ²⁰"NHƯNG NẾU KẸ THÙ CỦA NGƯỜI ĐỐI, HÃY CHO NÓ ĂN; VÀ NẾU NÓ KHÁT, HÃY CHO NÓ UỐNG; VÌ TRONG VIỆC LÀM NHƯ THẾ, NGƯỜI SẼ CHẤT THAN CHÁY TRÊN ĐẦU CỦA NÓ."⁽²⁾ ²¹Đừng để điều xấu thắng thể mình, nhưng hãy thắng điều xấu bằng điều tốt.

¹Bài giảng của Mô-se 32.35; Thánh-thi 94.1

²2 Các vua 6.22; Châm-ngôn 25.21; Ma-thi-ơ 5.44; Lu-ca 6.27

Rô-ma 13.1-13.11

Tuân-phục chính-quyền (13.1-13.7)

13 ¹Mọi người hãy tuân-phục các nhà chức-trách cai-trị. Vì chẳng có một quyền-lực nào cả trừ phi từ Đức Chúa TRỜI, và các quyền-lực hiện-hữu được lập bởi Đức Chúa TRỜI. ²Bởi vậy kẻ kháng-cự quyền-lực là đã chống đối qui-định của Đức Chúa TRỜI; và những kẻ đã chống đối sẽ nhận sự kết-án trên chính họ. ³Vì những kẻ cai-trị không là nguyên-do của sự sợ hãi vì việc làm tốt, nhưng vì việc làm xấu. Anh em có muốn không sợ thẩm quyền chẳng? Hãy làm điều tốt, và anh em sẽ được khen-ngợi từ cùng một thẩm quyền đó; ⁴vì ấy là một kẻ hầu-việc của Đức Chúa TRỜI cho anh em mãi mãi. Nhưng nếu anh em làm việc xấu, hãy sợ; vì nó chẳng phải mang gươm mà không có mục đích; vì ấy là một kẻ hầu việc của Đức Chúa TRỜI, một kẻ báo thù đem cơn thịnh-nộ đến trên kẻ thực-hành điều xấu. ⁵Do vậy ấy là cần-thiết để tuân-phục, không chỉ vì cơn thịnh-nộ, nhưng cũng vì lương-tâm. ⁶Vì bởi vì điều này anh em cũng trả thuế, vì những kẻ cai-trị là các tôi-tớ của Đức Chúa TRỜI, dâng mình cho chính việc này. ⁷Hãy trả tất cả điều phải trả cho họ: thuế cho người mình nợ thuế, phí cho người mình nợ phí, sợ cho người mình nợ sợ, danh-dự cho người mình nợ danh-dự.

Tình-thương hoàn-tất các đòi-hỏi của Đức Chúa TRỜI (13.8-13.14)

8Đừng nợ ai bất cứ một cái gì ngoại trừ yêu-thương lẫn nhau; vì kẻ yêu-thương người lân-cận của mình đã làm trọn luật-pháp. ⁹Vì điều này: “NGƯỜI KHÔNG ĐƯỢC PHẠM-TỘI NGOẠI-TÌNH; NGƯỜI KHÔNG ĐƯỢC GIẾT NGƯỜI; NGƯỜI KHÔNG ĐƯỢC TRỘM-CẤP; NGƯỜI KHÔNG ĐƯỢC THAM-LAM”⁽¹⁾ và nếu có một điều-răn nào khác, nó được tóm-tất lại trong lời nói này: “NGƯỜI PHẢI YÊU-THƯƠNG KẸ LÂN-CẬN CỦA NGƯỜI NHƯ CHÍNH NGƯỜI.”⁽²⁾ ¹⁰Tình yêu-thương chẳng cư-xử xấu đối với người lân-cận; bởi vậy yêu-thương là làm trọn luật-pháp.

11Và điều này, biết thời-điểm, rằng ấy là tới giờ rồi để anh em thức-dậy từ giấc ngủ; vì bây giờ sự cứu-rỗi gần chúng ta hơn khi chúng ta mới tin.

¹Xuất-hành 20.13; Bài giảng của Mô-se 5.17

²Lê-vi 19.18; Ma-thi-ơ 19.19

Romans 13.1-13.11

Obedience to the government (13.1-13.7)

13 ¹Let every person be in subjection to the governing authorities. For there is no authority except from God, and those which exist are established by God. ²Therefore he who resists authority has opposed the ordinance of God; and they who have opposed will receive condemnation upon themselves. ³For rulers are not a cause of fear for good work, but for evil. Do you want to have no fear of authority? Do what is good, and you will have praise from the same; ⁴for it is a minister of God to you for good. But if you do what is evil, be afraid; for it does not bear the sword for nothing; for it is a minister of God, an avenger who brings wrath on the one who practices evil. ⁵Wherefore it is necessary to be in subjection, not only because of wrath, but also for conscience' sake. ⁶For because of this you also pay taxes, for rulers are servants of God, devoting themselves to this very thing. ⁷Render to all what is due them: tax to whom tax is due; custom to whom custom; fear to whom fear; honor to whom honor.

Love fulfills God's requirements (13.8-13.14)

8Owe nothing to anyone except to love one another; for he who loves his neighbor has fulfilled the law. ⁹For this, “YOU SHALL NOT COMMIT ADULTERY, YOU SHALL NOT MURDER, YOU SHALL NOT STEAL, YOU SHALL NOT COVET,” and if there is any other commandment, it is summed up in this saying, “YOU SHALL LOVE YOUR NEIGHBOR AS YOURSELF.” ¹⁰Love does no wrong to a neighbor; therefore love is the fulfillment of the law.

11And this do, knowing the time, that it is already the hour for you to awaken from sleep; for now salvation is nearer to us than when we believed.

Romans 13.12-14.11

¹²The night is almost gone, and the day is at hand. Therefore let us lay aside the deeds of darkness and put on the armor of light. ¹³Let us walk properly as in the day, not in carousing and drunkenness, not in sexual promiscuity and sensuality, not in strife and jealousy. ¹⁴But put on the Lord Jesus Christ, and make no provision for the flesh in regard to *its* lusts.

Principles of conscience (14.1-14.23)

14 ¹Now accept the one who is weak in faith, but not for the purpose of passing judgment on his opinions. ²One person has faith that he may eat all things, but he who is weak eats vegetables *only*. ³Let not he who eats regard with contempt him who does not eat, and let not him who does not eat judge him who eats, for God has accepted him. ⁴Who are you to judge the servant of another? To his own lord he stands or falls; and stand he will, for the Lord is able to make him stand. ⁵One man judges one day above another, another regards every day *alike*. Let each man be fully convinced in his own mind. ⁶He who observes the day, observes it for the Lord, and he who eats, eats so for the Lord, for he gives thanks to God; and he who eats not, for the Lord he does not eat, and gives thanks to God. ⁷For not one of us lives for himself, and not one dies for himself; ⁸for if we live, we live for the Lord, or if we die, we die for the Lord; therefore whether we live or die, we are the Lord's. ⁹For to this end Christ died and lived again, that He might be Lord both of the dead and of the living. ¹⁰But you, why do you judge your brother? Or you again, why do you regard your brother with contempt? For we shall all stand before the judgment seat of God. ¹¹For it is written,

“AS I LIVE, SAYS THE LORD, EVERY KNEE SHALL BOW TO ME,
AND EVERY TONGUE SHALL GIVE PRAISE TO GOD.”

Rô-ma 13.12-14.11

¹²Đêm hầu tàn, và ngày thì gần. Bởi vậy chúng ta hãy bỏ các việc làm của sự tối-tăm và hãy mặc áo-giáp của sự sáng vào. ¹³Chúng ta hãy bước đi đàng-hoàng như trong ban ngày, không trong sự chơi-bời và say-sưa, không trong sự chung chạ sinh dục bừa bãi và ham khoái lạc, không trong tranh-giành và ganh-ghét. ¹⁴Nhưng hãy mặc Chúa Giê-xu Cơ-rít-tô vào, và chớ cung-cấp cho xác-thịt điều gì liên-hệ tới các dục-vọng của nó.

Các nguyên-tắc về lương-tâm (14.1-14.23)

14 ¹Bây giờ hãy chấp-nhận người yếu đức-tin, nhưng không vì phán-xét các quan-điểm của hắn. ²Một người có đức-tin rằng hắn có thể ăn mọi vật, nhưng kẻ yếu *chỉ* ăn rau cải. ³Người ăn chớ khinh-miệt kẻ không ăn, và kẻ không ăn chớ phán-xét người ăn, vì Đức Chúa TRỜI đã chấp-nhận kẻ ấy. ⁴Anh em là ai để phán-xét tôi-tớ của một kẻ khác? Đối với chính chủ của hắn, hắn đứng hay ngã; và hắn sẽ đứng, vì Chúa có thể làm cho hắn đứng. ⁵Một người này xem trọng ngày này hơn ngày khác, kẻ kia coi mỗi ngày như *nhau*. Mỗi người hãy hoàn-toàn được thuyết-phục trong tâm trí của riêng mình. ⁶Người giữ ngày đó, giữ nó vì Chúa, và kẻ ăn, ăn như vậy vì Chúa, vì hắn cảm tạ Đức Chúa TRỜI; và kẻ không ăn, là vì Chúa hắn không ăn, và cảm tạ Đức Chúa TRỜI. ⁷Vì không một ai trong chúng ta sống vì chính mình, và không một ai chết vì chính mình; ⁸vì nếu chúng ta sống, chúng ta sống vì Chúa, hay nếu chúng ta chết, chúng ta chết vì Chúa; bởi vậy hoặc chúng ta sống hay chết, chúng ta đều là của Chúa. ⁹Vì nhằm mục-đích này, Cơ-rít-tô đã chết và đã sống lại, để Ngài là Chúa của cả kẻ chết lẫn người sống. ¹⁰Nhưng anh em, tại sao anh em xét-đoán anh em của mình? Hay anh em một lần nữa, tại sao anh em nhìn anh em của mình với sự khinh-miệt? Vì tất cả chúng ta sẽ đứng trước ngai xét-xử của Đức Chúa TRỜI. ¹¹Vì được viết:

“NHƯ TA SỐNG, ĐỨC CHÚA PHÁN, MỌI ĐẦU GỐI SẼ QUÌ LAY TA⁽¹⁾,
VÀ MỌI LƯỖI SẼ DĂNG LỜI CA-TỤNG LÊN ĐỨC CHÚA TRỜI.”⁽²⁾

¹Phi-líp 2.10

²Ê-sai 45.23

Rô-ma 14.12-15.3

12Thế-thì, mỗi người trong chúng ta sẽ giải thích về chính mình cho Đức Chúa TRỜI.

13Bởi vậy chúng ta chớ xét-đoán nhau nữa, nhưng thà quyết-định điều này—chẳng để vật ngăn-trở hay khối đá làm sẩy chân trong đường đi của một anh em. 14Tôi biết và tin chắc trong Chúa Giê-xu rằng: chẳng có vật gì tự nó là ô-úế; nhưng đối với kẻ tưởng một vật gì là ô-úế, đối với kẻ đó nó là ô-úế. 15Vì nếu vì thức ăn anh em mình bị làm thương-tổn, anh em không còn đang bước đi theo tình thương nữa. Chớ tiêu-diệt bằng thức ăn của mình người mà Cơ-rít-tô đã chết cho. 16Bởi vậy, chớ để điều đối với anh em là tốt bị nói là xấu; 17vì vương-quốc của Đức Chúa TRỜI chẳng là việc ăn và việc uống, nhưng công-chính và bình-an và niềm vui trong Đức Thánh-Linh. 18Vì kẻ trong cách này phục-vụ Cơ-rít-tô được chấp-nhận đối với Đức Chúa TRỜI và được tán-thành bởi loài người. 19Vậy thì chúng ta hãy đeo đuổi các sự việc tạo ra sự hòa-thuận và gây-dựng nhau. 20Chớ giết việc làm của Đức Chúa TRỜI đổ xuống vì thức-ăn. Tất cả các vật quả thật là sạch, nhưng chúng là xấu vì người ăn và làm méch lòng. 21Ấy là tốt không ăn thịt hay không uống rượu nho, hay không làm một điều gì làm anh em mình sẩy chân. 22Đức-tin mà anh em có, có theo chính anh em trước mặt Đức Chúa TRỜI. Hạnh-phúc cho kẻ chẳng tự kết-án chính mình trong điều mình chấp-nhận. 23Nhưng kẻ nghi-ngờ thì bị kết-án nếu hắn ăn, vì việc ăn của hắn không từ đức-tin; vì lẽ điều gì không từ đức-tin là tội⁽¹⁾.

Sống để làm hài-lòng những người khác (15.1-15.6)

15 1Bây giờ chúng ta là những kẻ mạnh phải chịu các sự yếu của những kẻ không có sức mạnh và không chỉ làm vui lòng chính chúng ta. 2Mỗi người trong chúng ta hãy làm vui lòng người lân-cận của mình vì điều tốt cho việc gây-dựng. 3Vì ngay cả Cơ-rít-tô đã chẳng làm vui lòng chính Ngài; nhưng như được viết “CÁC SỰ LẮNG-NHỤC CỦA NHỮNG KẸ ĐÃ LẮNG-NHỤC CHÚA ĐÃ ĐỔ TRÊN TÔI.”⁽²⁾

¹bản khác thêm các câu 16.25-16.27 ở đây. Xin xem chú thích trong câu 16.27

²Thánh-thi 69.9

Romans 14.12-15.3

12So then, each of us will give account of himself to God.

13Therefore let us not judge one another anymore, but rather determine this—not to put an obstacle or a stumbling block in a brother’s way. 14I know and am convinced in the Lord Jesus that nothing is unclean in itself; but to him who thinks anything to be unclean, to him it is unclean. 15For if because of food your brother is hurt, you are no longer walking according to love. Do not destroy with your food him for whom Christ died. 16Therefore do not let what is for you a good thing be spoken of as evil; 17for the kingdom of God is not eating and drinking, but righteousness and peace and joy in the Holy Spirit. 18For he who in this way serves Christ is acceptable to God and approved by men. 19So then let us pursue the things which make for peace and the building up of one another. 20Do not tear down the work of God for the sake of food. All things indeed are clean, but they are evil for the man who eats and gives offense. 21It is good not to eat meat or to drink wine, or to do anything by which your brother stumbles. 22The faith which you have, have according to yourself before God. Happy is he who does not condemn himself in what he approves. 23But he who doubts is condemned if he eats, because his eating is not from faith; and whatever is not from faith is sin.

Live to please others (15.1-15.6)

15 1Now we who are strong ought to bear the weaknesses of those without strength and not just please ourselves. 2Let each of us please his neighbor for what is good to edification. 3For even Christ did not please Himself; but as it is written, “THE REPROACHES OF THOSE WHO REPROACHED THEE FELL UPON ME.”

Romans 15.4-15.13

⁴For whatever was written in earlier times was written for our instruction, that through perseverance and the encouragement of the Scriptures we might have hope. ⁵Now may the God of perseverance and encouragement grant you to be of the same mind with one another according to Christ Jesus, ⁶that with one accord you may with one voice glorify the God and Father of our Lord Jesus Christ.

The fellowship among believers (15.7-15.13)

⁷Wherefore, accept one another, just as Christ also accepted us to the glory of God. ⁸For I say that Christ has become a servant to the circumcision on behalf of the truth of God to confirm the promises *given* to the fathers, ⁹and for the Gentiles to glorify God for His mercy; as it is written,

“THEREFORE I WILL GIVE PRAISE TO THEE AMONG THE GENTILES,
AND I WILL SING TO THY NAME.”

¹⁰And again he says,

“REJOICE, O GENTILES, WITH HIS PEOPLE.”

¹¹And again,

“PRAISE THE LORD ALL YOU GENTILES,
AND LET ALL THE PEOPLES PRAISE HIM.”

¹²Again Isaiah says,

“THERE SHALL COME THE ROOT OF JESSE,
AND HE WHO ARISES TO RULE OVER THE GENTILES,
IN HIM SHALL THE GENTILES HOPE.”

¹³Now may the God of hope fill you with all joy and peace in believing, that you will abound in hope by the power of the Holy Spirit.

2. The conclusion of the letter; personal instruction and greeting (15.14-16.27)

Rô-ma 15.4-15.13

⁴Vì hề điều gì đã được viết trong các thời-điểm trước đã được viết cho sự giảng-dạy của chúng ta, để qua sự kiên-trì và sự khuyến-khích của Thánh-Kinh, chúng ta có thể có hy-vọng. ⁵Bây giờ xin Đức Chúa TRỜI của sự kiên-trì và sự khuyến-khích ban cho anh em thuộc cùng một tâm trí với nhau, phù-hợp với Cơ-rít-tô Giê-xu, ⁶để với sự hiệp một anh em có thể với cùng một tiếng nói tôn vinh Đức Chúa TRỜI và Cha của Chúa Giê-xu Cơ-rít-tô chúng ta.

Tình bằng-hữu giữa các tín-nhân (15.7-15.13)

⁷Do đó, hãy chấp-nhận nhau, y như Cơ-rít-tô cũng đã chấp-nhận chúng ta vào vinh-quang của Đức Chúa TRỜI. ⁸Vì tôi nói rằng Cơ-rít-tô đã trở thành một đầy-tớ cho sự cất-bì vì lợi-ích của lẽ-thật của Đức Chúa TRỜI để xác-nhận các lời hứa *được ban cho* tổ-phụ, ⁹và vì các dân Ngoại-bang để vinh-quang Đức Chúa TRỜI vì sự khoan-dung của Ngài; như được viết:

“BỞI VẬY TÔI SẼ DÂNG LỜI CA-TỤNG LÊN CHÚA GIỮA CÁC DÂN NGOẠI-BANG,
VÀ TÔI SẼ HÁT CHO DANH CỦA CHÚA”⁽¹⁾;

¹⁰Và một lần nữa người nói:

“HỒI DÂN NGOẠI-BANG, HÃY VUI-MỪNG VỚI DÂN CỦA NGÀI”⁽²⁾

¹¹và một lần nữa:

“HÃY CA-TỤNG ĐỨC CHÚA, HỒI TẤT CẢ CÁC NGƯỜI, DÂN NGOẠI-BANG,
VÀ TẤT CẢ CÁC DÂN HÃY CA-TỤNG NGÀI”⁽³⁾

¹²và một lần nữa Ê-sai nói:

“SẼ ĐẾN ĐÓ CÁI RỄ CỦA GIE-SÊ,
VÀ NGÀI DÂY LÊN ĐỂ CẢI-TRỊ CÁC DÂN NGOẠI-BANG;
TRONG NGÀI CÁC DÂN NGOẠI-BANG SẼ HY-VỌNG.”⁽⁴⁾

¹³Bây giờ xin Đức Chúa TRỜI của hy-vọng làm cho anh em đầy mọi niềm vui và bình-an trong việc tin, để anh em sẽ có rất nhiều hy-vọng bởi quyền-năng của Đức Thánh-Linh.

2. Kết thư; lời giảng-dạy và chào thăm cá-nhân (15.14-16.27)

¹2 Sa-mu-ên 22.50; Thánh-thi 18.49

²Bài giảng của Mô-se 32.43

³Thánh-thi 117.1

⁴Ê-sai 11.10

Rô-ma 15.14-15.25

Phao-lô giải-thích lý-do ông viết thư (15.14-15.21)

14Và về anh em, hỡi anh em của tôi, chính tôi cũng được thuyết-phục rằng chính anh em đầy lòng tốt, đầy mọi kiến-thức, và cũng có khả-năng để răn bảo lẫn nhau. **15**Nhưng tôi đã viết một cách rất bạo-dạn cho anh em trên vài điểm, để nhắc-nhở anh em một lần nữa, vì ân-điễn đã được cho tôi từ Đức Chúa TRỜI, **16**để là một kẻ hầu-việc của Cơ-rít-tô Giê-xu cho các dân Ngoại-bang, như một thầy tế-lễ hầu-việc tin-lành của Đức Chúa TRỜI, rằng sự hiến-dâng các dân Ngoại-bang của tôi đã có thể trở nên chấp-nhận được, được thánh hóa bởi Đức Thánh-linh. **17**Bởi vậy trong Cơ-rít-tô Giê-xu, tôi đã tìm được lý-do để khoe-khoang trong các việc thuộc về Đức Chúa TRỜI. **18**Vì tôi sẽ không dám nói về bất cứ việc gì ngoại trừ điều Cơ-rít-tô đã hoàn-tất qua tôi, đến sự vâng lời của các dân Ngoại-bang bởi lời và việc làm, **19**bằng quyền-năng của những dấu-hiệu và các điều kỳ-diệu, bằng quyền-năng của Linh; đến nỗi từ Giê-ru-sa-lem và xung quanh xa đến tận I-ly-ri tôi đã làm xong việc thuyết-giảng tin-lành của Cơ-rít-tô. **20**Và như vậy tôi khao-khát thuyết-giảng tin-lành, chẳng ở chốn Cơ-rít-tô đã được gọi tên rồi, để tôi có thể không xây trên nền của một kẻ khác, **21**nhưng như được viết:

“CHÚNG, NHỮNG KẸ ĐÃ CHẲNG CÓ TIN-TỨC
VỀ NGÀI SẼ THẤY,
VÀ CHÚNG, NHỮNG KẸ ĐÃ CHẲNG NGHE SẼ
HIỂU.”⁽¹⁾

Phao-lô giải-thích các chương-trình đi xa của mình (15.22-15.33)

22Vì lý-do này tôi đã thường bị cản-trở không đến được với anh em; **23**nhưng bây giờ không còn chỗ xa hơn nữa cho tôi trong các vùng này, và vì trong nhiều năm tôi đã có lòng khao-khát muốn đến cùng anh em **24**hễ khi nào tôi đi Xi-pa-nia—vì tôi hy-vọng gặp anh em khi đi ngang qua, và để được anh em giúp-đỡ trên đường tôi đi tới đó, khi tôi trước hết đã vui-hưởng tình bầu bạn với anh em trong chốc lát—**25**nhưng bây giờ, tôi đang đi tới Giê-ru-sa-lem để phục-dịch các thánh-đô.

Romans 15.14-15.25

Paul explains his reason for writing (15.14-15.21)

14And concerning you, my brethren, I myself also am convinced that you yourselves are full of goodness, filled with all knowledge, and able also to admonish one another. **15**But I have written very boldly to you on some points, so as to remind you again, because of the grace that was given me from God, **16**to be a minister of Christ Jesus to the Gentiles, ministering as a priest the gospel of God, that *my* offering of the Gentiles might become acceptable, sanctified by the Holy Spirit. **17**Therefore in Christ Jesus I have found reason for boasting in things pertaining to God. **18**For I will not presume to speak of anything except what Christ has accomplished through me, to the obedience of the Gentiles by word and deed, **19**in the power of signs and wonders, in the power of the Spirit; so that from Jerusalem and round about as far as Illyricum I have fulfilled preaching the gospel of Christ. **20**And thus I aspired to preach the gospel, not where Christ was *already* named, that I might not build on another man's foundation; **21**but as it is written,

“THEY WHO HAD NO NEWS OF HIM SHALL SEE,
AND THEY WHO HAVE NOT HEARD SHALL
UNDERSTAND.”

Paul explains his travel plans (15.22-15.33)

22For this reason I have often been hindered from coming to you; **23**but now, with no further place for me in these regions, and since I have had for many years a longing to come to you **24**whenever I go to Spain—for I hope to see you in passing, and to be helped on my way there by you, when I have first enjoyed your company for a while— **25**but now, I am going to Jerusalem serving the saints.

¹Ê-sai 52.15

Romans 15.26-16.8

²⁶For Macedonia and Achaia have been pleased to make a contribution for the poor among the saints in Jerusalem. ²⁷Yes, they were pleased *to do so*, and they are indebted to them. For if the Gentiles have shared in their spiritual things, they are indebted to minister to them also in material things. ²⁸Therefore, when I have finished this, and have sealed to them this fruit of theirs, I will go on by way of you to Spain. ²⁹And I know that when I come to you, I will come in the fullness of the blessing of Christ.

³⁰Now I urge you, brethren, by our Lord Jesus Christ and by the love of the Spirit, to strive together with me in your prayers to God for me, ³¹that I may be delivered from those who are disobedient in Judea, and *that* my service for Jerusalem may prove acceptable to the saints; ³²so that I may come to you in joy by the will of God and find *refreshing* rest in your company. ³³Now the God of peace be with you all. Amen.

Paul greets his friends (16.1-16.16)

16 ¹I commend to you our sister Phoebe, who is a servant of the church which is at Cenchrea; ²that you receive her in the Lord in a manner worthy of the saints, and that you help her in whatever matter she may have need of you; for she herself has also been a helper of many, and of myself as well.

³Greet Priscilla and Aquila, my fellow workers in Christ Jesus, ⁴who for my life risked their own necks, to whom not only do I give thanks, but also all the churches of the Gentiles; ⁵also *greet* the church that is in their house. Greet Epaenetus, my beloved, who is the first convert to Christ from Achaia. ⁶Greet Mary, who has worked hard for you. ⁷Greet Andronicus and Junias, my kinsmen and my fellow prisoners, who are outstanding among the apostles, who also were in Christ before me. ⁸Greet Ampliatius, my beloved in the Lord.

Rô-ma 15.26-16.8

²⁶Vì Ma-xê-đoan và A-chai đã vui lòng đóng góp cho người nghèo giữa các thánh-đồ tại Giê-ru-sa-lem. ²⁷Phải, họ đã vui lòng *làm như thế*, và họ mắc nợ những người ấy. Vì nếu các dân Ngoại-bang đã chia sẻ các điều thuộc-linh của những người ấy, họ cũng mắc nợ để hầu-việc những người ấy bằng các thứ vật-chất. ²⁸Bởi vậy, khi tôi đã hoàn-tất việc này, và đã gắn xi những thành quả này của họ vào họ, tôi sẽ đi tiếp tới Xi-pa-nia ngang qua anh em. ²⁹Và tôi biết rằng khi tôi đến cùng anh em, tôi sẽ đến trong sự đầy phước của Cơ-rít-tô.

³⁰Bây giờ tôi thúc-giục anh em, hỡi anh em, bởi Chúa Giê-xu Cơ-rít-tô của chúng ta và bởi tình yêu của Linh, cùng tôi nỗ-lực trong các lời cầu-nguyện của anh em cùng *Đức* Chúa TRỜI cho tôi, ³¹để tôi có thể được giải-thoát khỏi những kẻ không tuân-phục tại Giu-đê, và *để* việc phục-vụ của tôi cho Giê-ru-sa-lem được tỏ ra chấp-nhận được đối với các thánh-đồ; ³²để tôi có thể đến cùng anh em trong niềm vui bởi ý-muốn của *Đức* Chúa TRỜI và tìm được sự nghỉ-ngơi trong tình bầu-bạn của anh em. ³³Bây giờ *xin Đức* Chúa TRỜI bình-an ở với tất cả anh em. A-men.

Phao-lô chào thăm các bạn của ông (16.1-16.16)

16 ¹Tôi giới-gắm cho anh em người chị-em Phê-bê của chúng ta, là một tôi-tớ của hội-thánh tại Sen-cơ-rê, ²để anh em tiếp bà trong Chúa theo cách xứng-đáng của các thánh-đồ, và để anh em giúp-đỡ bà trong bất cứ vấn-đề gì bà có thể cần đến anh em; vì chính bà cũng đã giúp-đỡ nhiều người, và cũng chính tôi nữa.

³Hãy chào Bê-rít-sin và A-qui-la, các bạn đồng-công của tôi trong Cơ-rít-tô Giê-xu, ⁴họ vì sinh-mạng của tôi đã đánh liều chính cái cổ của họ, là những người không chỉ tôi cảm tạ, nhưng tất cả các hội-thánh của các dân Ngoại-bang cũng *vậy*; ⁵cũng *chào* hội-thánh *nhóm* trong nhà của họ. Hãy chào Ê-bai-nết, người yêu-dấu của tôi, là người cải tâm sang Cơ-rít-tô đầu tiên từ A-chai. ⁶Hãy chào Ma-ri, người đã làm việc cực-lực vì anh em. ⁷Hãy chào An-trô-ni-cơ và Giu-ni-a, họ-hàng của tôi và các bạn tù của tôi, họ xuất-sắc giữa các sứ-đồ, cũng là những người ở trong Cơ-rít-tô trước tôi. ⁸Hãy chào Am-li-a, người yêu-dấu của tôi trong Chúa.

Rô-ma 16.9-16.24

⁹Hãy chào U-rơ-banh, bạn đồng-công của chúng tôi trong Cơ-rít-tô, và Êch-ta-chy người yêu-dấu của tôi. ¹⁰Hãy chào A-be-lơ, người được chấp-nhận trong Cơ-rít-tô. Hãy chào các người thuộc *gia-hộ* của A-rích-tô-bu. ¹¹Hãy chào Hê-rô-đi-ôn, họ-hàng của tôi. Hãy chào các người thuộc *gia-hộ* của Nạt-xít, các người ở trong Chúa. ¹²Hãy chào Try-phe-nơ và Try-phô-sơ, công nhân trong Chúa. Hãy chào Bết-si-đơ người yêu-dấu, đã làm việc cực-lực trong Chúa. ¹³Hãy chào Ru-phu, người được chọn trong Chúa, cũng chào mẹ của anh ấy và mẹ của tôi. ¹⁴Hãy chào A-sin-cơ-rích, Phơ-lê-gôn, Hết-me, Ba-trô-ba, Hết-ma và các anh em ở với họ. ¹⁵Hãy chào Phi-lô-lô-gơ và Giu-li, Nê-rê và chị của người, và Ô-lim, và tất cả các thánh-đồ ở với họ. ¹⁶Hãy chào nhau với cái hôn thánh. Tất cả các hội-thánh của Cơ-rít-tô chào anh em.

Phao-lô cho các lời chỉ-dạy cuối cùng (16.17-16.27)

¹⁷Bây giờ tôi thúc-giục anh em, hỡi anh em, coi chừng những kẻ gây các sự bất-hòa và các dịp làm sây chân, trái với lời giảng-dạy mà anh em đã học, và hãy rẽ khỏi họ. ¹⁸Vì các người như loại đó là những kẻ nô-lệ, không phải của Chúa chúng ta là Cơ-rít-tô, nhưng của chính cái bụng của họ; và bằng lời nói êm-ả và tâng-bóc của họ, họ đánh lừa tâm của người không nghi ngờ. ¹⁹Vì phúc-trình về sự vâng lời của anh em đã tới tất cả; bởi vậy tôi đang vui-mừng vì anh em, nhưng tôi muốn anh em khôn-ngoan trong điều tốt, và vô tội trong điều xấu. ²⁰Và Đức Chúa TRỜI của sự bình-an sẽ kíp nghiền-nát Sa-tan dưới chân của anh em.

Xin ân-điễn của Chúa Giê-xu của chúng ta ở với anh em.

²¹Ti-mô-thê, bạn đồng-công của tôi chào anh em, và Lu-si-út và Gia-sôn và Sô-xi-ba-tê, họ-hàng của tôi, cũng vậy. ²²Tôi, Tệt-tiu, là người ghi chép thư này, chào anh em trong Chúa. ²³Gai-út, người tiếp-đãi tôi và tiếp-đãi toàn-thể hội-thánh, chào anh em. Ê-rát, thủ-quỹ thành-phố chào anh em, và Qua-rơ-tu, người anh em. ²⁴[Xin ân-điễn của Chúa Giê-xu Cơ-rít-tô của chúng ta ở với tất cả anh em. A-men]

Romans 16.9-16.24

⁹Greet Urbanus, our fellow worker in Christ, and Stachys my beloved. ¹⁰Greet Apelles, the approved in Christ. Greet those who are of the *household* of Aristobulus. ¹¹Greet Herodion, my kinsman. Greet those of the *household* of Narcissus, who are in the Lord. ¹²Greet Tryphaena and Tryphosa, workers in the Lord. Greet Persis the beloved, who has worked hard in the Lord. ¹³Greet Rufus, a choice man in the Lord, also his mother and mine. ¹⁴Greet Asyncritus, Phlegon, Hermes, Patrobas, Hermas and the brethren with them. ¹⁵Greet Philologus and Julia, Nereus and his sister, and Olympas, and all the saints who are with them. ¹⁶Greet one another with a holy kiss. All the churches of Christ greet you.

Paul gives final instructions (16.17-16.27)

¹⁷Now I urge you, brethren, keep your eye on those who cause dissensions and occasions of stumbling, contrary to the teaching which you learned, and turn away from them. ¹⁸For such men are slaves, not of our Lord Christ but of their own belly; and by their smooth and flattering speech they deceive the hearts of the unsuspecting. ¹⁹For the report of your obedience has reached to all; therefore I am rejoicing over you, but I want you to be wise in what is good, and innocent in what is evil. ²⁰And the God of peace will soon crush Satan under your feet.

The grace of our Lord Jesus be with you.

²¹Timothy my fellow worker greets you, and *so do* Lucius and Jason and Sosipater, my kinsmen. ²²I, Tertius, who write this letter, greet you in the Lord. ²³Gaius, host to me and to the whole church, greets you. Erastus, the city treasurer greets you, and Quartus, the brother. ²⁴[The grace of our Lord Jesus Christ be with you all. Amen.]

Romans 16.25-16.27

25Now to Him who is able to establish you according to my gospel and the preaching of Jesus Christ, according to the revelation of the mystery which has been kept secret for long ages past, ²⁶but now is manifested, and by the Scriptures of the prophets, according to the commandment of the eternal God, has been made known to all the nations, *leading* to obedience of faith; ²⁷to the only wise God, through Jesus Christ, be the glory forever. Amen.

Rô-ma 16.25-16.27

25Bây giờ *xin dâng* lên Ngài là Đấng có khả năng thiết-lập anh em theo tin-lành của tôi và sự thuyết-giảng về Giê-xu Cơ-rít-tô, theo khai thị về lẽ mầu-nhiệm, là điều đã được giữ bí-mật từ các thời-đại lâu dài đã qua, ²⁶nhưng bây giờ được biểu lộ, và bởi các lời Thánh-Kinh của các tiên-tri, theo mạng-lệnh của Đức Chúa TRỜI đời đời, đã được bày tỏ cho tất cả các dân-tộc, *dẫn* đến sự tuân-phục của đức-tin; ²⁷*thuộc về* Đức Chúa TRỜI khôn-ngoan độc nhất, qua Giê-xu Cơ-rít-tô, vinh-hiến đời đời. A-men⁽¹⁾.

¹bản khác thiếu 16.25-16.27 hoặc thêm nó sau 14.23 hay 15.33; có bản khác đặt câu 24 sau câu 27.